

TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 3

Ấn bản 5.6, 1983-2002

Họ và tên học sinh _____
Lớp _____ Khóa _____
Thầy/Cô phụ trách _____
Số phòng học _____

Có học phải có hạnh.



Sách Cấp 3, ấn bản 5.6 1983-2002.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Hai, 2002.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang
P.O. Box 32563
San Jose, CA. 95152

Điện thoại: (408) 486-7085
Điện thư: (408) 998-5018
E-mail: admin@vanlangsj.org
Web site: <http://www.vanlangsj.org>

MỤC LỤC

- Nội quy	v
- Lời mở đầu	vi
- Định nghĩa	vii
- Nguyên tắc viết chính tả	viii
- Chữ cái - Nguyên âm và phụ âm	xii

Bài học.

- Bài 1: ai ay ây	1
- Bài 2: am ăm âm	5
- Bài 3: an ăn ân	9
- Bài 4: học ôn	13
- Bài 5: ao au âu.....	19
- Bài 6: ac ắc âc.....	23
- Bài 7: ap ập âp	27
- Bài 8: học ôn.....	31
- Bài thi mẫu giữa khóa	35
- Phiếu điểm thi giữa khóa	38
- Bài 9: at ăt ât	39
- Bài 10: em êm im.....	43
- Bài 11: en ên in	47
- Bài 12: học ôn.....	51
- Bài 13: ep êp ip	55
- Bài 14: et êt it	59
- Bài 15: học ôn	63
- Bài 16: học ôn toàn tập.....	67
- Bài thi mẫu cuối khóa	71
- Phiếu điểm thi cuối khóa	74

Bài làm ở nhà.

- Bài làm ở nhà 1	75
- Bài làm ở nhà 2	79
- Bài làm ở nhà 3	83
- Bài làm ở nhà 4	87
- Bài làm ở nhà 5	91
- Bài làm ở nhà 6	95
- Bài làm ở nhà 7	99
- Bài làm ở nhà 8	103
- Bài làm ở nhà 9	107
- Bài làm ở nhà 10.....	111
- Bài làm ở nhà 11.....	115
- Bài làm ở nhà 12.....	119
- Bài làm ở nhà 13.....	123
- Bài làm ở nhà 14.....	127
- Bài làm ở nhà 15.....	131
- Bài làm ở nhà 16 (<i>Ôn thi cuối khóa</i>)	135
- Việt sử đọc thêm	137
- Giải nghĩa tục ngữ.....	138
- Tài liệu tham khảo	140
- Quốc Ca.....	141
- Việt Nam Việt Nam	142



NỘI QUY

1. Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục. Học sinh đến lớp trễ 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp ban kỉ luật để nhận giấy phép vào lớp.
2. Học sinh nghỉ học phải có thông báo của phụ huynh trước với Thầy Cô giáo, hoặc phải mang theo giấy xin phép của phụ huynh trình bày lí do nghỉ học tuần vừa qua.
3. Học sinh đến lớp trễ 5 buổi liên tiếp, hoặc nghỉ học 3 buổi liên tục mà không có lí do chính đáng, hoặc không xin phép cũng như không có giấy xác nhận của phụ huynh, sẽ không được tiếp tục theo học khóa hiện tại.
4. Học sinh đến trường phải mặc đồng phục gọn gàng.
5. Học sinh phải giữ kỉ luật trong lớp, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy Cô giáo trực tiếp phụ trách. Vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học trong một thời gian hoặc vĩnh viễn.
6. Học sinh phải hòa nhã đối với bạn cùng lớp, cùng trường.
7. Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa, phải làm đầy đủ bài tập mỗi tuần. Khi vắng mặt trên 5 buổi học, dù có lí do chính đáng cũng sẽ không được lên lớp trong khóa tới.
8. Học sinh phải gìn giữ vệ sinh chung của trường và lớp học, tuyệt đối không được di chuyển đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học.
9. Học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên trường các vật dụng như: vật bén nhọn, chất nổ, ma túy, hóa chất cũng như vũ khí.
10. Học sinh phải tham dự các sinh hoạt của Trung Tâm dưới sự hướng dẫn của ban Điều Hành và Thầy Cô giáo.

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 12 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 12. Mỗi tập gồm có 15 bài học trong lớp và 15 bài làm ở nhà. --- Riêng 5 tập đầu có 16 bài. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose, California, U . S . A.

ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *a, o, ui, iết, ong, iêng, ươn* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *A! bông hoa đẹp quá.*

Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.

Thí dụ:
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ **trông** cây.
- **Gần** mực thì đen, **gần** đèn thì **rạng**.

2) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đứng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước** **Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (·) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

*“ Em Huyền (˘) mang Nặng (·) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào ”.*

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thổ thần

C- Viết Chính Tả Với Chữ I và Y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này. Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ i khi i ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ y.

Chỉ viết chữ y dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ y) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiến	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy y và i đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm y dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm i ngắn được như :

● Từ có vần:		● Từ có vần:
nước chả y (ay)	không thể viết	nước chả i (ai)
ngày nay (ay)	không thể viết	ngày nai (ai)
say tú y lú y (uy)	không thể viết	say tú i lú i (ui)
cô Thú y (uy)	không thể viết	cô Thú i (ui)
v. v. . .		

3. Với y dài hay i ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu Í	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết i ngắn và khi nào viết y dài.

23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A	B	C	D	Đ	E	G	H
a	b	c	d	đ	e	g	h
I	K	L	M	N	O	P	Q
i	k	l	m	n	o	p	q
R	S	T	U	V	X	Y	
r	s	t	u	v	x	y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ: ˆ * Dấu á: ˘ * Dấu móc: ˆ

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A	Ă	Â	B	C	D	Đ	E
a	á	ớ	bờ	cờ	dờ	đờ	e
Ê	G	H	I	K	L	M	N
ê	gờ	hờ	i	ca	lờ	mờ	nờ
O	Ô	Ơ	P	Q	R	S	T
o	ô	ơ	pờ	quờ	rờ	sờ	tờ
U	Ư	V	X	Y			
u	ư	vờ	xờ	i-cờ-rét			

12 NGUYÊN ÂM ĐƠN

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

11 PHỤ ÂM GHÉP

CH	GH	GI	KH	
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>	
	NG	NGH		
	<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>		
NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

BÀI MỘT

- Vần:**

ai	ay	ây
<i>Phát âm:</i> a-i-ai	<i>a-i-cờ-rét-ay</i>	<i>ớ-i-cờ-rét-ây</i>



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + i = ai	tai phải (<i>tờ-ai-tai phờ-ai-phai-hỏi-phải</i>)
a + y = ay	máy bay (<i>mờ-ay-may sắc máy bờ-ay-bay</i>)
â + y = ây	nhảy dây (<i>nhờ-ay-nhay hỏi nhảy dờ-ây-dây</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

trái cam - nhảy dây

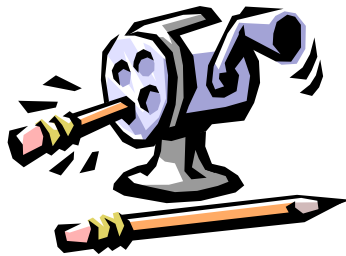
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ây ay</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Em hay _____</p>	<p>am ái</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Mai vẽ _____</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

c + ai		cai	cái	cãi
		<i>(cờ-ai-cai)</i>	<i>(cờ-ai-cai-sắc-cái)</i>	<i>(cờ-ai-cai-ngã-cãi)</i>
h		hai	hái	hải
t		tai	tài	tại
kh		khai	khái	khải

d + ây		dây	dầy	dậy
		<i>(dờ-ây-dây)</i>	<i>(dờ-ây-dây-huyền-dầy)</i>	<i>(dờ-ây-dây-nặng-dậy)</i>
c		cây	cấy	cày
m		mây	máy	mậy
th		thây	thấy	thày



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Tai em để nghe. Tay em để làm việc. Em quý thầy cô.	...có tài chạy hay làm thấy máy bay...

• Tập đọc.

Má và Mai

Má và Mai ở nhà.
 Mai dỗ bé *ngủ say*.
 Má dạy Mai nhảy dây.
 Mai nhảy, má vỗ tay.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ai, ay, ây** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ai, ay, ây** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

Thí dụ: Mai ở nhà, Mai dỗ bé

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Chi vẽ cà. Em hay dây. em để nghe. em để làm việc. Em quý cô.	Chi vẽ trái cà.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Nhà em có <i><u>câi</u></i> mai. Em bé ngủ <i><u>sai</u></i> . Chị Mai <i><u>nhái</u></i> dây. Bà <i><u>mai</u></i> vá.	Nhà em có cây mai.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Má và Mai" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Nhà Em

Ba em *đi cà*.
Má em *đi cấy*.
Bà thì vá may.
Em lo học bài.

- **Giải nghĩa:**

- *Ngủ say*: Ngủ không còn hay biết gì. - *Đi cà*: Đi lật đất lên bằng cái cà.
- *Đi cấy*: Đi cắm mạ (cây lúa con) xuống ruộng.

Ăn cây nào, rào cây nấy.

BÀI HAI

- Vần:** **am** **ăm** **âm**
Phát âm: *a-mờ-am* *á-mờ-ăm* *ớ-mờ-âm*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + m = am	làm bài (<i>lờ-am-lam-huyền-làm</i> <i>bờ-ai-bai-huyền-bài</i>)
ă + m = ăm	nắm tay (<i>nờ-ăm-nấm-sắc-nấm</i> <i>tờ-ay-tay</i>)
â + m = âm	cắm đi (<i>cờ-âm-câm-sắc-cắm</i> <i>đờ-i-đi</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

chăm chỉ - ăm ỉ

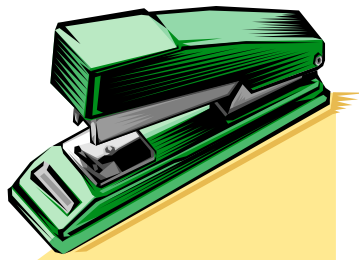
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>Âm ăm</p>  <p>Âm nhạc _____</p>	<p>ăm ăm</p>  <p>Mai _____ làm bài</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

c + am		cam	cám	cảm
		<i>(cờ-am-cam) (cờ-am-cam-sắc-cám) (cờ-am-cam-hỏi-cảm)</i>		
h		ham	hám	hảm
nh		nham	nhàm	nhảm
th		tham	thám	thảm

đ + âm		đâm	đằm	đậm
		<i>(đờ-âm-đâm) (đờ-âm-đằm-huyền-đằm) (đờ-âm-đậm-nặng-đậm)</i>		
c		câm	cám	cằm
ch		châm	chám	chậm
tr		trâm	trằm	trẫm



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Bà cho em quả cam. Năm nay bé lên năm. Bà cho bé áo đầm.	... tham ăn Em tắm mặc áo ấm ...

• Tập đọc.

Ngày Rằm

Ngày rằm cả nhà em đi lễ chùa. Bà *lâm râm* khẩn vái.
Em ghi nhớ lời Phật dạy: "Chớ có tham lam. Làm việc lành, tránh việc dữ".

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **am, ăm, âm** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **am, ăm, âm** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

Thí dụ: Ngày rằm, Bà lâm râm

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bé chỉ làm bài. Bà cho bé quả nhạc âm ỉ. Bà cho bé áo Năm nay bé lên	Bé chăm chỉ làm bài.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Năm nay, Mai lên <i>tấ</i> m. Mẹ đi phố <i>xấ</i> m đồ. Bà có quả <i>cấ</i> m to. Ba biếu bà trà <i>xấ</i> m.	Năm nay, Mai lên tám.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Ngày Rằm" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Thăm Bà

Ba lái xe chậm chậm,
Về quê để thăm bà.
Ba biếu bà *trà sâm*,
Bà khen trà quý quá.

- **Giải nghĩa:**

- *Ngày rằm*: Ngày 15 trong tháng Âm lịch có trăng tròn. - *Lâm râm*: Nói nhỏ đều đều, nghe không rõ lời. - *Trà sâm*: Loại trà được biến chế từ củ sâm.

Ăn lắm hết ngon, nói lắm hết lời khôn.

BÀI BA

- Vần:** **an** **ăn** **ân**
Phát âm: *a-nờ-an* *á-nờ-ăn* *ớ-nờ-ân*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + n = an	bạn thân (<i>bờ-an-ban-nặng-bạn thờ-ân-thân</i>)
ă + n = ăn	săn bắn (<i>sờ-ăn-săn bờ-ăn-bắn-sắc-bắn</i>)
â + n = ân	bàn chân (<i>bờ-an-ban-huyền-bàn chờ-ân-chân</i>)

- Bài tập.**

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

trán nhãn - săn bắn

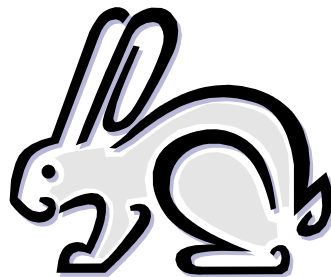
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ấn ấn</p>  <p>Cha đi _____</p>	<p>ăn án</p>  <p>Cụ già _____</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

b + an		ban	bán	bạn
		<i>(bờ-an-ban) (bờ-an-ban-sắc-bán) (bờ-an-ban-nặng-bạn)</i>		
c		can	cán	cản
nh		nhan	nhãn	nhạn
th		than	thán	thản

d + ân		dân	dần	dận
		<i>(dờ-ân-dân) (dờ-ân-dân-huyền-dần) (dờ-ân-dân-nặng-dận)</i>		
h		hân	hấn	hận
ph		phân	phấn	phản
tr		trân	trần	trận



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Em có bạn thân . Chú em đi săn nai . Mẹ em cần đi chợ.	... lau bàn áo ngắn phấn màu ...

• Tập đọc.

Bạn Em

Em có cô bạn thân ở gần nhà. Ngày ngày, em đi học với bạn. Tan học, bạn và em về ngay nhà để cha mẹ *an tâm*. Mẹ *ân cần* săn sóc chúng em.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **an, ă, ân** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **an, ă, ân** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

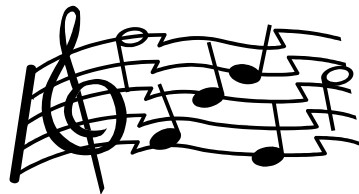
Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cụ già trán
Ba đi săn
Mẹ emđi chợ.
Chú em đi nai.
Em có cô bạn

- Việt sử.

Con Rồng Cháu Tiên *

Nguồn cội tổ tiên,
Từ thừa hoang sơ.
Có Lạc long Quân.
Cưỡi sóng vào bờ.
Lấy nàng tiên nữ.
Tên là Âu Cơ.

(xem tiếp trang 28)



- Bài hát.

Hát Vui

Cùng *quây quần*, ta vui, vui, vui.
Ta hát với nhau, chơi, chơi, chơi.
Rồi lên tiếng reo cười, cười, cười.
Làm vui thú bao người, người, người.

- Giải nghĩa:

- *An tâm*: Yên tâm. - *Ân cần*: Làm một cách tích cực, nhiệt thành.
- *Quây quần*: Tụ tập, xúm xít lại trong cảnh đầm ấm.

Ăn bữa trưa, chừa bữa tối.

* Bài đọc thêm ở cuối sách

BÀI BỐN

Ôn bài 1.

- Tập đọc có vần:

ai	ay	ây
Tài học vần ai: vai phải vai trái. Mẹ Tài mài dao thái thịt.	Bác Bảy vay tiền mua máy xay lúa. Hôm nay ăn chay cả ngày.	Tài thấy máy bay qua mây. Thầy cô thấy vậy dạy vẽ máy bay.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ai** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ay** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ây** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu

hai tay:

máy bay:

cây cam:

Ôn bài 2.

• Tập đọc có vần:

am	ăm	âm
Bé Nam ham vẽ: Tấm Cám trái cam, số tám. Tấm thắm màu xám.	Cô Thắm chăm lễ ngày rằm. Bé Năm năm vẽ con tằm, nấm xôi.	Tâm mặc áo ấm đỏ đậm. Mẹ cấm bé Trâm, ngậm tằm, cầm dao.

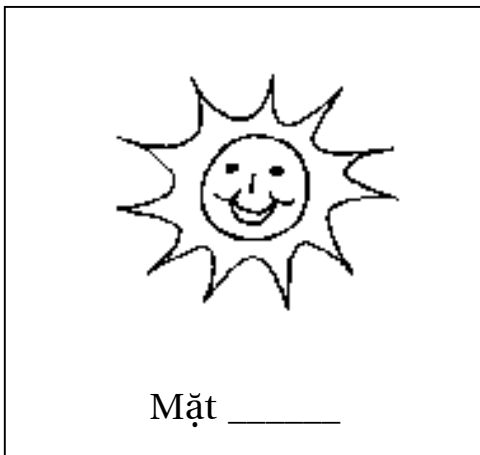
• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **am** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âm** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố:

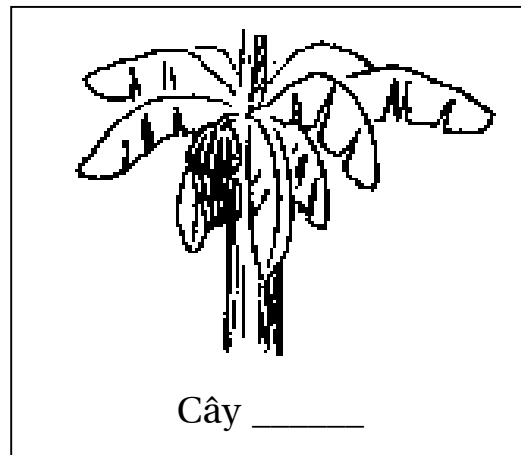
1. Không sơn mà đỏ.

Đó là gì ?



2. Không bào mà nhẵn.

Đó là cây gì ?



Ôn bài 3.

• Tập đọc có vần:

an	ăn	ân
Chị Lan đàn hát trần đêm. Mẹ than nhàm chán can ngăn nghỉ đàn.	Muốn ăn phải lăn vào bếp. Bé Văn chăn trâu bị răn cẩn chân.	Chị Vân tay chân đầy phấn. Cẩn thận chớ bận quần áo dơ bẩn.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **an** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăn** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ân** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

nắm tay:

Em ăn:

tay chân:

- **Tập đọc - Chính tả.**

Chị Mai

Ở nhà em, chị Mai chăm làm lắm.

Dậy từ sớm, chị ân cần săn sóc ông bà. Chị chăm lau bàn ghế, và nấu ăn cho cả nhà. Nhờ vậy, cha mẹ an tâm đi làm xa. Ngày ngày, chị chăm chỉ học bài và dạy em làm bài.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ai, ay, ây.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **am, ăm, âm.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **an, ăn, ân.**
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

Thí dụ: chị Mai, chăm làm lắm

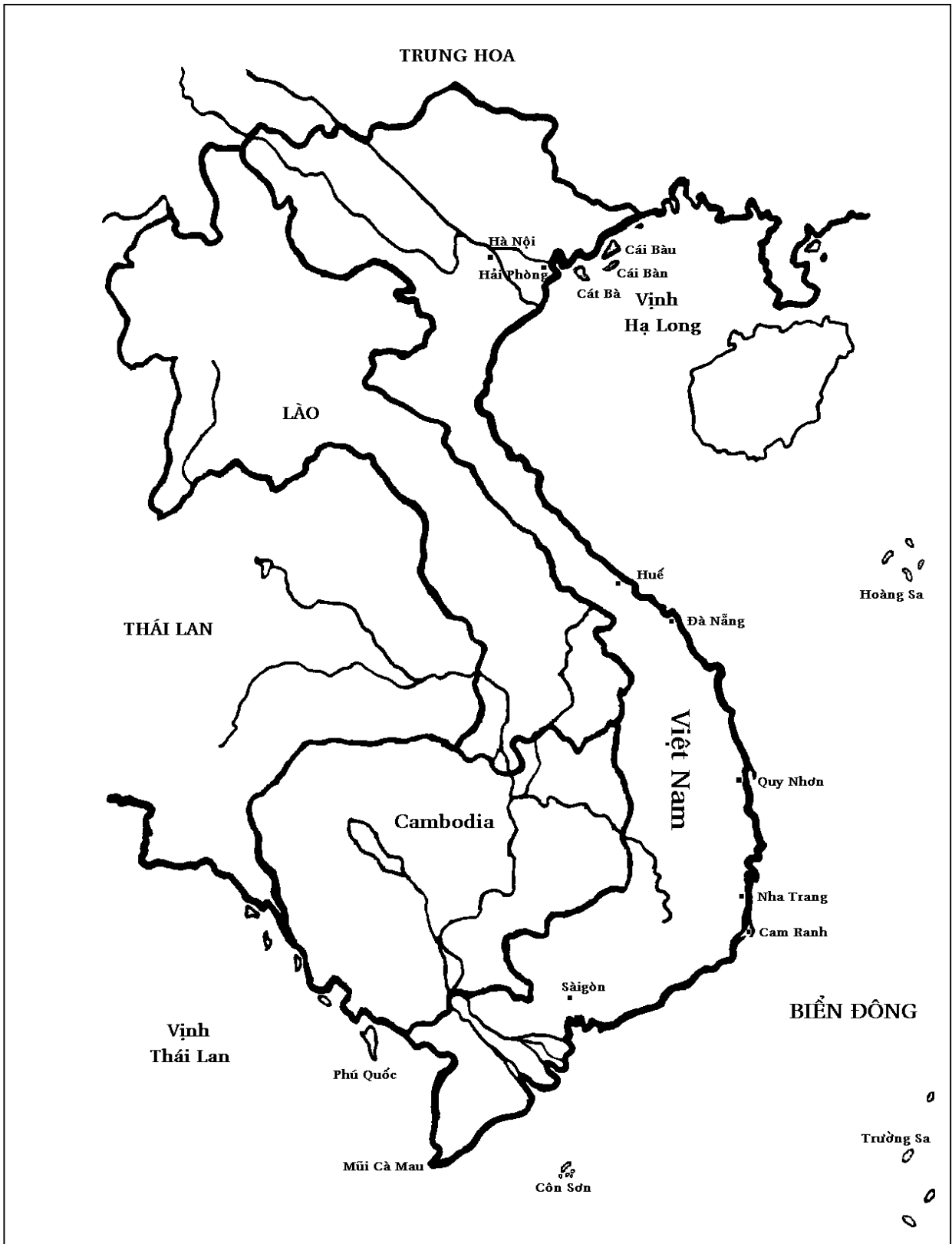
- **Địa lí.**

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

Tham thi thêm.

- Tô màu bản đồ Việt Nam



BÀI NĂM

- Vần:**

ao	au	âu
<i>Phát âm: a-o-ao</i>	<i>a-u-au</i>	<i>ớ-u-âu</i>



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + o = ao	trái đào <i>(trờ-ai-trai-sắc-trái đờ-ao-đao-huyền-đào)</i>
a + u = au	lau bàn <i>(lờ-au-lau bờ-an-ban-huyền bàn)</i>
â + u = âu	châu chấu <i>(chờ-âu-châu chờ-âu-châu-sắc-chấu)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

trái đào - châu chấu

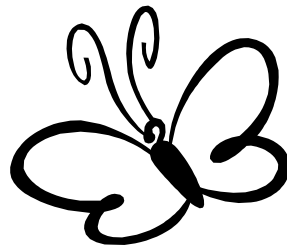
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ấu âu</p> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p>Cào cào _____</p>	<p>ào ái</p> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p>Mai ăn _____</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

b + ao		bao	báo	bảo
		<i>(bờ-ao-bao)</i>	<i>(bờ-ao-bao-sắc-báo)</i>	<i>(bờ-ao-bao-hỏi-bảo)</i>
c		cao	cáo	cào
ph		phao	pháo	phào
tr		trao	tráo	trào

d + âu		dâu	dấu	dậu
		<i>(dờ-âu-dâu)</i>	<i>(dờ-âu-dâu-sắc-dấu)</i>	<i>(dờ-âu-dâu-nặng-dậu)</i>
s		sâu	sấu	sàu
ch		châu	chấu	chậu
tr		trâu	trấu	tràu



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Nhà em ở gần ao. Sân sau có cây dâu. Bà ăn tràou và cau.	... núi cao hồ sâu trâu to hơn ...

• Tập đọc.

Bà Em

Bà em *quy y* đã lâu. Bà mặc áo màu lam đi lễ. Ngày ngày, bà lâm râm khấn vái. Có ai lại thăm bà, bà ân cần chào hỏi và mời ăn trà.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ao, au, âu** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ao, au, âu** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mai ăn trái
Bà ăn và cau.
Cào cào và chấu.
Nhà em ở ao.
Sân có cây dâu.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bà dẫn bé đi <u>đầu</u> ?
Bé đi ra <u>săn</u> sau.
Ba em bị <u>đao</u> đầu.
Ba má hay lo <u>au</u>

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Bà Em" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Má Lo Âu

Chị em đi về trẽ,
Để má phải lo âu.
Nào hay chị đi đâu ?
Mà sao lâu về thế !

- **Giải nghĩa:**

- *Quy y: Thụ lễ theo đạo Phật.*

Con sáu làm rầu nồi canh.

BÀI SÁU

- Vần:** **ac** **ăc** **âc**
Phát âm: *a-cờ-ac* *á-cờ-ăc* *ớ-cờ-âc*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + c = ac	bác sĩ (<i>bờ-ac-bac-sắc-bác sờ-i-si-ngã-sĩ</i>)
ă + c = ăc	mặc áo (<i>mờ-ăc-măc-nặng-mặc a-o-ao-sắc-áo</i>)
â + c = âc	trái gấc (<i>trờ-ai-trai-sắc-trái gờ-âc-gâc-sắc-gấc</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

Bác sĩ - mặc áo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ặc ấm</p>  <p>Cụ già _____ ấm</p>	<p>ác ám</p>  <p>_____ khám tai</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

b + ac		bác <i>(bờ-ac-bac-sắc-bác)</i>	bạc <i>(bờ-ac-bac-nặng-bạc)</i>
l		lác	lạc
kh		khác	khạc
nh		nhác	nhạc

t + âc		tác <i>(tờ-âc-tác-sắc-tác)</i>	tạc <i>(tờ-âc-tác-nặng-tạc)</i>
b		bác	bạc
x		xác	xạc
gi		giác	



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Bà cho bé áo khác. Mẹ nhắc em làm bài. Chó phá giấc ngủ em.	. . . giày khác mặc áo xôi giấc . . .

• Tập đọc.

Gió Bắc

Gió bắc đã thổi về.
 Qua ngàn cây *xào xạc*.
 Mưa rơi rơi lác đác.
 Em mặc áo dày ghê,
 Mà vẫn thấy *giá rét*.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ac, ăc, âc**.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ac, ăc, âc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mẹ em làm bài.
Cụ già áo ấm.
Chờ phá ngủ bé.
. sĩ khám tai.
Bà cho bé áo

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Xôi <u>gấ</u> c màu đỏ.
Em <u>mặ</u> t áo <u>ấ</u> m.
Em bé ngủ <u>gặ</u> c.
Em có <u>bấ</u> c và chú.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Gió Bắc" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Bé Ca

Bé Mai đã thức giấc.
Bà nhắc bé Mai ca:
"Lá thu bay xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác."
Bà và bác khen hay.

- **Giải nghĩa:**

- *Gió bắc*: Gió thổi từ phương Bắc xuống. - *Xào xạc*: Tiếng lá cây va chạm nhẹ vào nhau. - *Giá rét*: Lạnh nhiều.

Chớ thấy sóng cả, mà ngã tay chèo.

BÀI BẢY

- Vần:**

ap	ăp	âp
<i>Phát âm:</i>	<i>a-pờ-ap</i>	<i>á-pờ-ăp</i>
	<i>ớ-pờ-âp</i>	


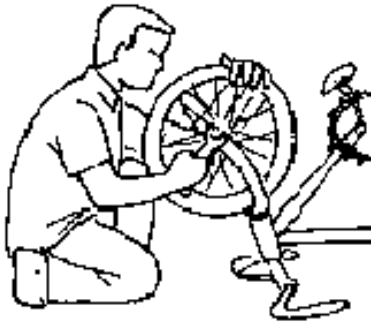
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + p = ap	xe đạp (<i>xờ-e-xe đờ-ap-đạp-nặng-đạp</i>)
ă + p = ăp	lắp ráp (<i>lờ-ăp-lấp-sắc-lấp rờ-ap-ráp-sắc-ráp</i>)
â + p = âp	cá mập (<i>cờ-a-ca sắc-cá mờ-âp-mập-nặng-mập</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

xe đạp - cá hấp

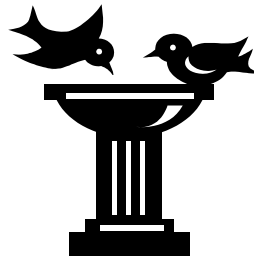
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ấp ăn</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Má ăn _____</p>	<p>ạp áp</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Tâm ráp _____</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

h + ap		háp	hạp
		<i>(hờ-áp-hạp-sắc-háp)</i>	<i>(hờ-áp-hạp-nặng-hạp)</i>
r		ráp	rap
ng		ngáp	ngạp
th		tháp	thạp

g + ăp		gấp	gặp
		<i>(gờ-ăp-gấp-sắc-gấp)</i>	<i>(gờ-ăp-gấp-nặng-gặp)</i>
c		cấp	cặp
l		lấp	lặp
ch		chấp	chặp



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Nhà thờ có tháp cao. Nhà ở có ngăn nắp . Chỗ thấp dễ ngập lụt.	... ngáp ngủ sắp về cá mập ...

• Tập đọc.

Bà Dặn Cháu

Làm việc chớ hấp tấp.
 Đi chậm đở vấp ngã.
 Nhà ở phải ngăn nắp.
 Cố chăm lo học tập.
 Khó nhọc mới nên người.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ap, ăp, âp** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ap, ăp, âp** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Nhà ở có ngăn
Tâm xe đạp.
Chỗ thấp dễlụt.
Má em ăn cá
Nhà thờ cócao.

- Việt sử.

Con Rồng Cháu Tiên *

Sinh ra trăm trứng.

Ổn trời cho nở.

Trăm con *sơn sơ*.

Năm mươi con thơ.

Theo mẹ lên non.

(Xem tiếp trang 50)



- Bài hát.

Cười Làm Quen

Một cái cười làm quen,

Hai tay cùng giơ bắt.

Hai cái cười làm quen,

Chúng ta kết thân nào.

- Giải nghĩa:

- *Sơn sơ*: Có dáng vẻ tươi tắn.

Ăn theo thừa, ở theo thi.

* Bài đọc thêm ở cuối sách

BÀI TÁM

Ôn bài 5.

- Tập đọc có vần:

ao	au	âu
Chị Đào ra vào chào hỏi. Đào giỏi thể thao: nhảy sào, nhảy cao.	Bác Màu đến sau hãy mau lên tàu. Bé Sáu lấu tấu ngã đau.	Ở đâu có trâu, sáo sậu, châu chấu, đàn bầu, trầu cau, củ ấu?

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ao** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **au** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âu** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu:

Trái táo:

Màu nâu:

Lau bàn ghế:

Ôn bài 6.

• Tập đọc có vần:

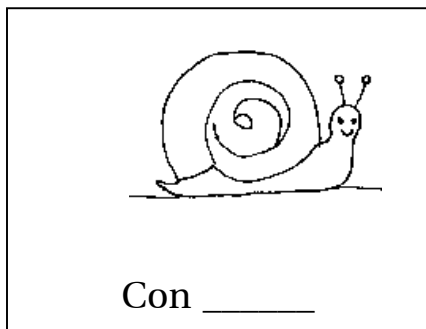
ac	ăc	âc
Bác em nhạc sĩ nghe nhạc. Gà ác bới rác lạc đàn nhón nhác.	Bé Đắc mặc áo bền chắc. Mẹ nhắc bé mặc tức khắc.	Bé ăn xôi gấc nắc cứt. Bé ngủ một giấc. Tắc đất, tắc vàng.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ac** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố.

1. Đi thời mở cửa.
Về thời đóng cửa.
Đố là con gì ?



2. Đi nằm, đứng nằm, ngồi nằm.
Nằm thì ngồi.
Đố là cái gì ?



Ôn bài 7.

- Tập đọc có vần:

ap	ăp	âp
Chú Giáp lắp ráp xe đạp của Pháp. Giáp đạp xe đạp chậm chạp.	Gặp bà rằm rắp chấp tay vái chào. Trong cặp đầy ắp hạt bắp.	Cá mập nhấp nhô. Bác Lập ăn gắp gà hấp thập cẩm béo mập.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ap** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **âp** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu:

Ngáp ngủ:

Ăn bắp:

Ăn cá hấp:

- **Tập đọc - Chính tả.**

Bà Kể Các Cháu Nghe

Ông bà quê ở miền Bắc Việt Nam giáp *Tàu*.

Trăm năm qua, ăn no mặc ấm là giấc mơ của dân quê ta.

Ở đó, có gió bắc rét run *cầm cập*. Khi đau (ốm) khó gặp bác sĩ mà chỉ có thầy thuốc bắc. Nghe qua, các cháu lắc đầu *ái ngại*.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **au, âu, ac, ăc, âc, ap, ăp, âp**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- **Địa lí.**

Vị Trí Việt Nam

Nước Việt Nam ở Đông Nam châu Á. Phía bắc giáp với nước Trung Hoa, phía tây giáp với nước Lào và nước Cambodia.

(Xem tiếp trang 54)

- **Giải nghĩa:**

- *Tàu*: Nước Trung Hoa. - *Cầm cập*: Run rẩy, răng va chạm vào nhau vì lạnh. - *Ái ngại*: Có phần lo lắng cho hoàn cảnh người khác.

Máu chảy ruột mềm.

BÀI THI MẪU GIỮA KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 3 đến 5 vần như: ay, âm, au,)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài:

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (6 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 6 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 8)

Thí dụ:

Em bé ngủ *sai*.

1. *Em bé ngủ say*

2.

3.

4.

5.

7.

III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 2 hay 3 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

trà sâm, quý quá, chậm chậm.

Về Thăm Bà

Ba lái xe

Về quê để thăm bà,

Ba biếu bà

Bà khen trà

IV- Học thuộc lòng (22 điểm).

Chép lại một trong hai bài "Học thuộc lòng" đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Ráp chữ hoặc vần (10 điểm).

Chọn chữ hoặc vần trong dấu ngoặc cuối câu để ráp thành từ hợp nghĩa.

Thí dụ:

- Tâm đi ___e đạp về nhà

(s hay x)

1-

(... hay ...)

2-

(... hay ...)

.....

(... hay ...)

6. Nhớ bỏ vở vào c_____

(ặ hay ậ)

7.

(... hay ...)

.....

(... hay ...)

10.

(... hay ...)

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên
..... Sinh ra trăm trứng.
Ổn trời cho nở,
Trăm con sỡn sỡ.
Năm mươi con thơ,
Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

PHIẾU ĐIỂM THI GIỮA KHÓA _____

Cấp lớp: _____

Họ và tên học sinh: _____

Thầy cô phụ trách: _____

- Tập đọc : _____ điểm.
- Tập viết : _____ điểm.
- Chính tả : _____ điểm.
- Học thuộc lòng : _____ điểm.
- Việt sử : _____ điểm.
- Địa lí : _____ điểm.
- Bài làm trong lớp : _____ điểm.
- Bài làm ở nhà : _____ điểm.

- Số lần đi trễ : _____ lần.
- Số ngày vắng mặt : _____ ngày.

- Hạnh kiểm : _____

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....
.....
.....
.....

Ý kiến phụ huynh :

.....
.....
.....

Phụ huynh kí tên : _____

BÀI CHÍN

- Vần:**

at	ăt	ât
<i>Phát âm: a-tờ-at</i>	<i>á-tờ-ăt</i>	<i>ớ-tờ-ât</i>



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + t = at	phát quà (<i>phờ-at-phat-sắc-phát quờ-a-qua-huyền-quà</i>)
ă + t = ăt	giặt áo (<i>giờ-ăt-giắt-nặng-giắt a-o-ao-sắc-áo</i>)
â + t = ât	trật tự (<i>trờ-ât-trắt-nặng-trật tờ-ư-tư-nặng-tự</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

giặt áo - Phát quà

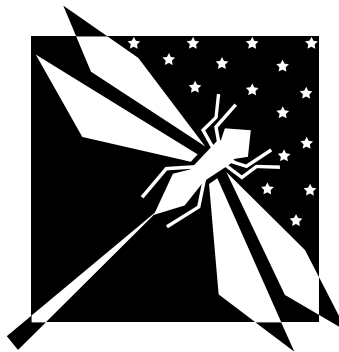
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ăt ần</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Mẹ _____ quần</p>	<p>át em</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>_____ cho em</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

b + at		bát <i>(bờ-at-bat-sắc-bát)</i>	bạt <i>(bờ-at-bat-nặng-bạt)</i>
h		hát	hạt
ph		phát	phạt
qu		quát	quạt

c + ât		cất <i>(cờ-ât-cât-sắc-cất)</i>	cật <i>(cờ-ât-cât-nặng-cật)</i>
m		mất	mật
nh		nhất	nhật
qu		quất	quật



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Chị em hay ca hát. Áo dài sạt mặt đất. Cát kĩ chớ để mất.	... tằm mát cắt cây mật ong ...

• Tập đọc.

Đi Phố

Hôm nay trời thật là mát mẻ. Bà dắt em đi phố. Bà nắm tay em thật chặt. Bà mua cho em mũ, giày, *tất*. Khi về, bà dẫn em đi ngõ tắt, rất gần.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **at, ăt, ât** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **at, ăt, ât** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cát kĩ, chớ để
Mẹ em áo quần.
Chị em hay ca
Cô quà cho bé.
Áo dài sát đất.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Mẹ dọn dẹp chén <i>bác</i>
Bà <i>cắt</i> kỹ đồ cổ.
<i>Bát</i> em tên là Đạt.
Căn nhà <i>chật</i> hẹp quá !

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Đi Phố" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Đêm Hè

Đêm hè gió mát,
Mặt đất ấm áp.
Bé ra sân cát,
Mẹ dắt vô nhà.

- **Giải nghĩa:**

- *Tất*: Bí tất hay vớ. - *Đồ cổ*: Đồ xưa, vật dụng lâu đời

Mặt ngọt chết ruồi.

BÀI MƯỜI

- Vần:** **em** **êm** **im**
Phát âm: *e-mờ-em* *ê-mờ-êm* *i-mờ-im*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + m = em	cây kem (<i>cờ-ây-cây ca-em-kem</i>)
ê + m = êm	êm đềm (<i>ê-mờ-êm đờ-êm-đềm-huyền-đềm</i>)
i + m = im	im lìm (<i>i-mờ-im lờ-im-lìm-huyền-lìm</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

Nằm nệm - thềm ăn

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>êm ằm</p>  <p>_____ ngủ em</p>	<p>em êm</p>  <p>Tý _____ kem</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

k + em		kem <i>(ca-em-kem)</i>	kèm <i>(ca-em-kem-huyền-kèm)</i>
t		tem	tẹm
x		xem	xẹm
nh		nhem	nhẹm

l + im		lim <i>(lờ-im-lim)</i>	lìm <i>(lờ-im-lim-huyền-lìm)</i>
t		tim	tím
ch		chim	chìm
ph		phim	phím



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Chị và em xem phim. Đêm thu thật êm đềm. Đôi mắt bé lim dim.	... cà rem nếm thức ăn chim hót ...

• Tập đọc.

Xem Phim

Đêm thu thật êm đềm. Ba chở Mai và Tâm đi xem phim. Rạp chiếu phim mát mẻ và im lặng. Ai nấy chăm chú xem phim. Khi ra về, ba cho chúng em ăn kem.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **em, êm, im** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **em, êm, im** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Đôi mắt bé lim
Tý thèm ăn
Chị và em xem
Nằm ngủ êm.
Đêm thu thật . . .đềm.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Mai và Tâm <i>sem</i> phim. Rạp chiếu phim mát <i>mẽ</i> . Em <i>trãm</i> chú xem phim. Ba cho em ăn <i>cem</i>

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Xem Phim" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Về Nhà

Buổi học chiều đã tan.
Bạn và em về nhà.
Gió thổi nhẹ và êm.
Trên khóm cây *im lìm*.
Đàn chim bay về tổ.

- **Giải nghĩa:**

- *Im lìm*: Hoàn toàn im lặng.

Có công mài sắt, có ngày nên kim.

BÀI MƯỜI MỘT

- Vần:**

en	ên	in
<i>Phát âm:</i>	<i>e-nờ-en</i>	<i>ê-nờ-ên</i>


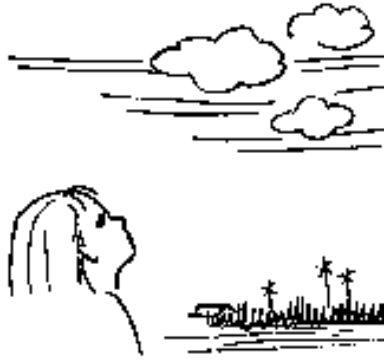
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + n = en	áo len <i>(a-o-ao-sắc-áo lờ-en-len)</i>
ê + n = ên	ốc sên <i>(ô-cờ-ôc-sắc-ốc sờ-ên-sên)</i>
i + n = in	trái chín <i>(trờ-ai-trai-sắc-trái chờ-in-chin-sắc-chín)</i>

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

trên cao - áo len

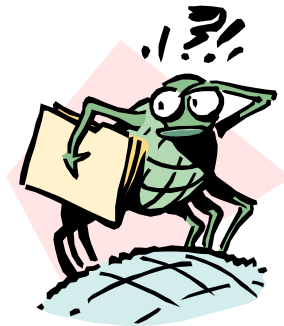
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>en ặc</p> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p>Em mặc _____</p>	<p>ây ên</p> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p>Mây bay _____</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

đ + en		đen <i>(đờ-en-đen)</i>	đen <i>(đờ-en-đen-huyền-đen)</i>
k		kén	kèn
m		men	mèn
ch		chen	chén

t + in		tin <i>(tờ-in-tin)</i>	tín <i>(tờ-in-tin-sắc-tín)</i>
x		xin	xín
v		vin	vịn
nh		nhìn	nhịn



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Đèn đỏ chớ đi qua. Ba thấp nển làm lễ. Em xin phép ra lớp.	... làm quen đề tên vào vở nhìn mây bay ...

• Tập đọc.

Chọn Bạn

"Gần mực thì đen,
 Gần đèn thì sáng".
 Em nên chọn bạn,
 Chăm chỉ nét na.
 Yêu quý mẹ cha,
 Kính thầy, mến bạn,
 Mới là bạn ngoan.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **en, ên, in** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **en, ên, in** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Ba thấp làm lễ.
Em bé mặc áo
. đổ chó đi qua.
Bé nhìn mây cao.
Em phép ra lớp.

- Việt sử.

Con Ròng Cháu Tiên *

(Tiếp theo trang 30)

Năm mươi cùng cha,
Hướng về biển Đông.
Dựng nước Văn Lang,
Hơn bốn ngàn năm.
Lưu truyền nòi giống,
Con Ròng cháu Tiên.



- Bài hát.

Vòng Tròn

Vòng tròn có một *cái tâm*,
Cái tâm ở giữa vòng tròn.
Đi sao cho đều cho khéo,
Vòng tròn đừng méo đừng vuông.

- Giải nghĩa:

- *Lưu truyền*: Truyền lâu dài tới đời sau. - *Cái tâm*: Điểm ở giữa vòng tròn.

Một sự nhin, chín sự lành.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MƯỜI HAI

Ôn bài 9.

- Tập đọc có vần:

at	ăt	ât
Sân cát nóng rát. Chú Đạt thèm khát bát chè hạt sen thơm ngát.	Cháu chất tay bắt mặt mừng, sắp đặt dắt nhau chơi trò cút bắt.	Bác Nhất lật đặt giặt câu. Lời thật mất lòng. Có tạt giặt mình.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **at** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ăt** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ât** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu:

sân cát:

giặt áo:

ong mật:

Ôn bài 10.

• Tập đọc có vần:

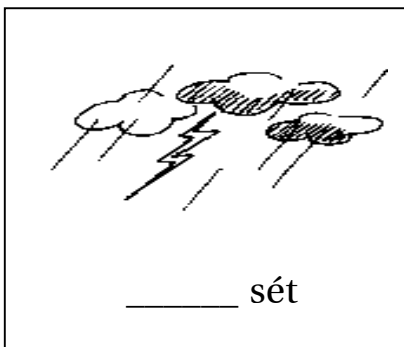
em	êm	im
Ba em cho xem con tem. Chị em thèm ăn li kem.	Đêm thu nằm nệm ngủ êm. Bên thềm chú Thêm nằm đếm sao đêm.	Chim tìm tổ chim. Ta tìm tổ tiên. Thím Ba thấy nhím nằm im.

• Bài tập.

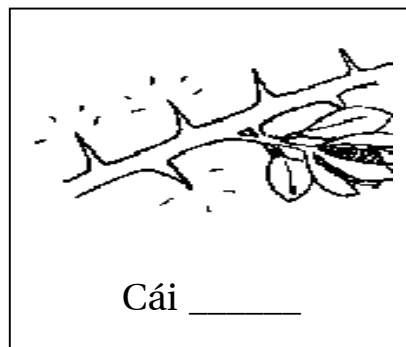
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **em** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **im** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố.

1. Không gõ mà kêu.
Đố là gì ?



2. Không vót mà nhọn.
Đố là cái gì ?



Ôn bài 11.

- Tập đọc có vần:

en	ên	in
Mẹ khen áo len đen đẹp, Mai then bẽn lẽn. Ven hồ hoa sen chen chúc.	Tên em là Mến, học lên lớp trên, đến bài ốc sên, nhền nhện.	Chú Chín để nhín một nghìn cho Thìn xin tiền in sách Đức Tin.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **en** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ên** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **in** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu:

tên em:

trái cam chín:

áo len:

- **Tập đọc - Chính tả.**

Quý Mến Mẹ Cha

Từ sáng sớm, cha mẹ Mai đã phải thức dậy đi làm. Chiều về đến nhà, mẹ sắp đặt việc làm có thứ tự. Nào nấu ăn, giặt áo quần. Nào nhắc nhở các em làm bài. Cha hãy còn ở sở. *Vất vả* vì con cái mà cha mẹ vẫn vui. Em rất quý mến mẹ cha.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ăp, ăt, ăt, em, ên.**
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- **Địa lí.**

Vị Trí Việt Nam (Tiếp theo trang 34)

Phía Đông nước Việt Nam là biển Đông, nằm trong biển Thái Bình. Việt Nam có nhiều đảo lớn như đảo Cái Bàu, Cái Bàn, Cát Bà, Côn Sơn, Phú Quốc. Ngoài ra còn có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- **Giải nghĩa:**

- *Vất vả*: Khó nhọc vì phải bỏ nhiều sức lực và tâm trí. - *Con cái*: Các con.

Lời thật mịch lòng.

BÀI MƯỜI BA

- Vần:**

ep	êp	ip
<i>Phát âm:</i> <i>e-pờ-ep</i>	<i>ê-pờ-êp</i>	<i>i-pờ-ip</i>



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + p = ep	lễ phép (<i>lờ-ê-lê-ngã-lễ phờ-ep-phep-sắc-phép</i>)
ê + p = êp	đền xếp (<i>đờ-en-đen-huyền-đèn xờ-êp-xêp-sắc-xếp</i>)
i + p = ip	nhịp cầu (<i>nhờ-ip-nhip-nặng-nhip cờ-âu-câu-huyền-cầu</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

lễ phép - hai nhịp

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ây ip</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Cầu xây _____</p>	<p>ào ép</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Mai chào _____</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

d + ep		dép <i>(dờ-ep-dep-sắc-dép)</i>	đẹp <i>(dờ-ep-dep-nặng-đẹp)</i>
k		kép	kep
n		nép	nep
nh		nhép	nhep

h + ip		híp <i>(hờ-ip-hip-sắc-híp)</i>	
b		bíp	bịp
k		kíp	kịp
nh		nhíp	nhịp



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Bà cho em dép đẹp. Em phụ mẹ làm bếp. Cô hát, em gõ nhịp.	...khép cửa xếp áo quần kịp giờ học ...

• **Tập đọc.**

Đi Cẩn Thận

Tan học, bé xếp vở ra về. Bé đi dép *lep xep*. Đầu bé đội mũ đẹp. Hai cô bạn đã đi kịp bé. Các em chỉ đi qua lộ khi nào đèn cho người đi bộ bật sáng. Về nhà, bé lễ phép chào ông bà.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ep, êp, ip** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ep, êp, ip** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cô hát, em gõ
Mai lễ chào bà.
Bà cho Mai . . . đẹp.
Cây cầu xây hai
Em phụ mẹ làm

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bé <i>sếp</i> vở ra về.
Bé đi dép lẹp <i>sep</i>
Bé đội mũ <i>đet</i>
Hai bạn đã đi <i>kiệp</i> bé.
Bé lễ phép <i>trào</i> ông bà.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Đi Cẩn Thận" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Đôi Dép Đẹp

Chú Chín về nghỉ phép.

Chú cho bé đôi dép.

Bé mê đôi dép đẹp,

Bé đi lẹp xẹp, lẹp xẹp.

- **Giải nghĩa:**

- *Lẹp xẹp*: Tiếng dép đi trên nền gạch.

Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

BÀI MƯỜI BỐN

- Vần:**

et	êt	it	
<i>Phát âm:</i>	<i>e-tờ-et</i>	<i>ê-tờ-êt</i>	<i>i-tờ-it</i>



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + t = et	gầm thét (<i>gờ-âm-gâm huyền-gầm thờ-et-thet-sắc-thét</i>)
ê + t = êt	dệt vải (<i>dờ-êt-dệt-nặng-dệt vờ-ai-vai-hỏi-vải</i>)
i + t = it	trái mít (<i>trờ-ai-trai-sắc-trái mờ-it-mít-sắc-mít</i>)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

Con vịt - quét nhà

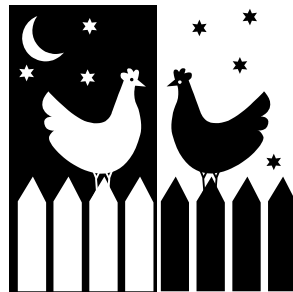
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>em ét</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Bà em _____</p>	<p>ịt ạp</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>_____ kêu cạp! cạp!</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Em ráp vần:

b + êt		bết <i>(bờ-ê-t-bết-sắc-bết)</i>	bệt <i>(bờ-ê-t-bệt-nặng-bệt)</i>
h		hết	hệt
m		mết	mệt
ch		chết	chệt

m + it		mít <i>(mờ-it-mít-sắc-mít)</i>	mịt <i>(mờ-it-mít-nặng-mịt)</i>
t		tít	tịt
v		vít	vịt
th		thít	thịt



• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Em phụ mẹ quét nhà. Bà đã về quê ăn Tết. Em thèm ăn trái mít.	... la hét con rết thịt vịt ...

• Tập đọc.

Về Quê

Má dẫn bé về quê ăn Tết. Ở quê có vịt kêu cạp cạp, chó sủa gâu gâu. Bé sợ chó khóc thét. Bà dỗ bé nín. Ai cũng mến bé vì ít khi bé khóc nhè.

• Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **et, êt, it** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **et, êt, it** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Em thèm ăn trái
Conkêu cạp! cạp!
Em phụ mẹnhà.
Bà về quê ăn
Chị em lo vải.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bé về quê ăn <u>Téc</u>
<u>Vịc</u> kêu cạp cạp.
Bé sợ chó khóc <u>théc</u>
Ai cũng mến <u>be</u>
Bà <u>giỏ</u> bé nín.

- **Chính tả.**

- Thầy cô đọc bài "Về Quê" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

Sấm Sét

Mây kéo về đen nghịt,
Mù mịt cả bầu trời.
Mưa lớn rơi, sấm sét.
Gió gầm thét gần xa.
Cả nhà đều sợ sệt.

- **Giải nghĩa:**

- **Sấm:** Tiếng nổ do sự dãn nở không khí bị đốt nóng bởi sét. - **Sét:** Ánh sáng sinh ra do phản ứng điện giữa hai đám mây hay giữa đám mây và mặt đất.

Cái nết đánh chết cái đẹp.

BÀI MƯỜI LĂM

Ôn bài 13.

• Tập đọc có vần:

ep	êp	ip
Dép Tâm quá đẹp. Lẹp kẹp ngõ hẹp. Vào bếp khép nép bên mẹ.	Con rệp nằm êp. Thếp giấy xếp xó. Gấp nếp đèn xếp Trung Thu.	Cây cầu hai nhịp. Con chim bìm bíp. Cả nhà rộn rịp cho kịp về quê.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ep** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ip** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu

xếp vở:

lễ phép:

đi học kịp giờ:

Ôn bài 14.

• Tập đọc có vần:

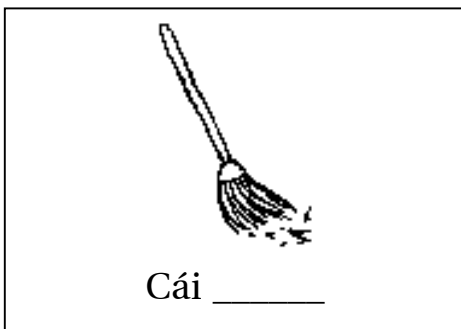
et	ê	it
Má ghét kẻ say be bét. Quá rét nghệt mũi bé hét, khóc thét.	Năm hết Tết đến, sơn phết cho hết vết dơ. Kết bạn nết na.	Mù mịt đen kịt. Trẻ nít thút thít. Trái mít, trái quýt chi chít.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **et** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ê** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **it** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

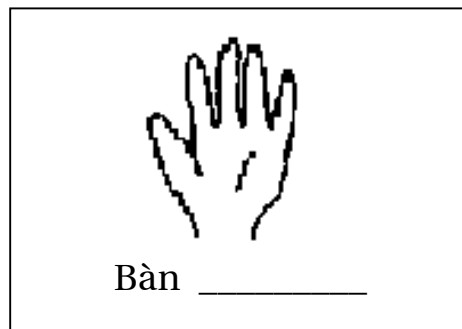
• Câu đố.

1. Ở nhà có cái gì
hay la liếm ?



2. Một cây mà có năm cành.

Nhúng nước thì héo, để dành thì tươi.
Đó là cái gì ?



• Tập đọc - Chính tả.

Lễ Phép

Ông bà khen cháu Mai xinh đẹp và lễ phép.
 Mỗi khi đi đâu, Mai xin phép mẹ cha. Ở nhà, Mai nói lời
 dịu dàng, hay giúp đỡ kẻ nghèo khó. Mai thật thà, *nết na*,
 luôn chăm chỉ học để theo kịp bạn. Mai còn phụ mẹ làm
 bếp. Ông bà và cha mẹ rất vui.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ep, êp, ip, êt**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Mai thật lễ <i>phép</i> . Tâm xếp <i>dở</i> ra về. Mai phụ mẹ làm <i>bép</i> . Cả nhà rộn <i>rit</i> về quê. <i>Thịch</i> để lâu hư thối.

- **Việt sử.**

Chử Đồng Tử *

Vua Hùng thứ ba.
Có một công chúa,
Tên là Tiên Dung.
Nàng rất xinh đẹp.
Vào tiết tháng ba.
Đạo chơi bên sông,
Gặp Chử Đồng Tử,
Kết duyên vợ chồng.
Hai người học đạo.
Tiên ban phép lạ.

(xem tiếp trang 69)

- **Bài hát.**

Ngón Tay Nhúc Nhích

Một ngón tay nhúc nhích này, (2 lần)
Một ngón tay nhúc nhích cũng đủ cho ta vui rồi.
Hai ngón tay nhúc nhích này, (2 lần)
Hai ngón tay nhúc nhích, nhúc nhích
cũng đủ cho ta vui rồi.
Ba ngón tay nhúc nhích này, (2 lần)
Ba ngón tay nhúc nhích, nhúc nhích, nhúc nhích
cũng đủ cho ta vui rồi.
Bốn ngón tay nhúc nhích

- **Giải nghĩa:**

- *Nét na: Có tính tốt.*

Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi qua

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MƯỜI SÁU

- Tập đọc - Chính tả.

Tiếng Việt Mến Yêu

Lớn lên ở Mỹ, em vẫn yêu tiếng Việt. Này nhé! Tiếng mẹ ru em từ lúc *nằm nôi*. Ông bà, anh chị âu yếm chào đón em sinh ra đời. Bao lời dạy bảo ngọt ngào hòa với dòng sữa mẹ nuôi em khôn lớn. Bây giờ em chăm học tiếng Việt. Em kính yêu ông bà và cha mẹ nhiều hơn.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần

ay, ây; am, ăm; ân, ao, âu; em, ên, ep.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Em lớn <i>len</i> ở Mỹ.
Em <i>văn</i> yêu tiếng Việt.
Mẹ ru em từ <i>be</i>
Dạy <i>dở</i> em nên người.
Em <i>quy men</i> cha mẹ.

• **Điền vào chỗ trống.**

- Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Tiếng Việt Mến Yêu" và điền vào chỗ trống.

Dù lớn ở Mỹ, em vẫn yêu tiếng Từ khi mới sinh ra, mẹ đã ru tiếng Việt cho ngủ. Ông bà, anh chị chào đón em sinh ra đời. Sữa mẹ nuôi em lớn. Lời của cha mẹ dạy dỗ em nên khôn lớn. Cho nên em phải học tiếng Việt để biết quý mến cha mẹ nhiều hơn.

• **Chọn câu đúng nhất.**

- Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Tiếng Việt Mến Yêu".

Nước em đang ở là Việt Nam.
 Canada.
 Hoa Kỳ.

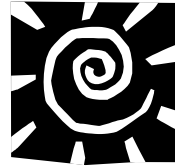
Em khôn lớn là nhờ chăm học.
 nằm nôi.
 cha mẹ nuôi và dạy dỗ.

Em học tiếng Việt để biết đọc sách Việt.
 về thăm Việt Nam.
 hiểu biết và quý mến mẹ cha.

- Việt sử.

Chử Đồng Tử * (Tiếp theo trang 66)

Cây gậy nón lá,
Biến ra lâu đài.
Vua cho là phản,
Cho quân hỏi tội.
Không dám cãi cha,
Tối đến gió to,
Hai vợ chồng tiên,
Cùng với lâu đài,
Bay luôn về trời.



- Bài hát.

Ngồi Quay Quần

Ngồi quay quần ta chơi chơi chơi.
Ta hát với nhau vui vui vui.
Rồi lên tiếng ta cười, cười, cười.
Làm vui thú bao người, người, người.

- Giải nghĩa:

- *Nằm nôi*: Loại giường cho con nít nằm có thể lắc lư được.

Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

• Đếm số.

1	một	11	mười một
2	hai	12	mười hai
3	ba	13	mười ba
4	bốn	14	mười bốn
5	năm	15	mười lăm
6	sáu	16	mười sáu
7	bảy	17	mười bảy
8	tám	18	mười tám
9	chín	19	mười chín
10	mười	20	hai mươi



BÀI THI MẪU CUỐI KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 3 đến 5 vần như: im, ên, ip, et, êt . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài:

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (6 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 6 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 9 đến bài 15)

Thí dụ:

Căn nhà *chật* hẹp quá.

1- *Căn nhà chật hẹp quá.*

2-

3-

4-

5-

7-

III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ: sắp đặt, mền, đến, vất vả ...

Yêu Mến Mẹ Cha

Sớm mai, em còn ngủ mà cha mẹ đã đi làm từ lâu.

Về nhà, mẹ nấu ăn, việc nhà thật thứ tự. Giặt áo quần, mẹ còn nhắc nhở các em làm bài. Giờ này cha còn ở sở làm.

Cha mẹ vì các con mà vẫn lấy làm vui. Em rất quý cha mẹ.

IV- Học thuộc lòng (22 điểm).

Chép lại một trong hai bài "Học thuộc lòng" đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Đặt câu (10 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.
(Chọn các từ trong bài số 9 đến 15)

Thí dụ:

- Chăm chỉ.

Em **chăm chỉ** làm bài.

1-

.....

2-

.....

3-

.....

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên
..... Sinh ra trăm trứng.
Ổn trời cho nở,
Trăm con sồn sớ.
Năm mươi con thơ,
Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

PHIẾU ĐIỂM THI CUỐI KHÓA _____

Cấp lớp: _____

Họ và tên học sinh: _____

Thầy cô phụ trách: _____

- Tập đọc : _____ điểm.
- Tập viết : _____ điểm.
- Chính tả : _____ điểm.
- Học thuộc lòng : _____ điểm.
- Việt sử: _____ điểm.
- Địa lí : _____ điểm.
- Bài làm trong lớp : _____ điểm.
- Bài làm ở nhà : _____ điểm.

- Số lần đi trễ : _____ lần.
- Số ngày vắng mặt : _____ ngày.

- Hạnh kiểm : _____

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....
.....
.....
.....

Được lên lớp: có không

Ý kiến phụ huynh :

.....
.....
.....
.....

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 1

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Má và Mai".
2. Học thuộc lòng: "Nhà Em".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Má và Mai" điền vào chỗ trống:

Má và _____ ở nhà. Mai ru bé ngủ _____.

Má dạy _____ nhảy dây. Mai _____ dây, má vỗ tay.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Nhà Em".

Ba em đi

- cấy lúa.
- vá may.
- cày ruộng.

Em chăm chỉ

- vá may.
- ru em ngủ.
- học bài.



• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

- con nai
- hai tai để
- nhảy dây
- hai tay để
- máy bay
- ngủ say

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **ai, ay, ây** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Em hay _____</p>	 <p>Chi vẽ _____</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ai ay ây.**

Tai phải

Tay trái

Mây bay

Hai tai để nghe

Máy bay bay qua mây

- **Viết chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Má và Mai".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai chiếc máy bay.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 2

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thày cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Ngày Rằm".
2. Học thuộc lòng: "Thăm Bà".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Ngày Rằm" điền vào chỗ trống:

Vào ngày rằm, cả nhà em đi lễ chùa. Bà lâm khẩn vái. Em ghi nhớ lời Phật dạy: "Chớ có lam. Chăm việc lành, cố tránh việc dữ".

- **Chép lại câu trong bài.**

Theo bài tập đọc "Ngày Rằm", em chép lại:

1. Một câu có vần **âm**

2. Một câu có vần **am**

3. Một câu có vần **ăm**

• **Tìm từ viết đúng chính tả.**

Em khoanh tròn từ nào đúng trong dấu ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống.

1. (chăm chỉ, trăn chỉ)

Bé làm bài.

2. (lâm dâm, lâm râm)

Bà khăn vái.

3. (thăm lăm, tham lam)

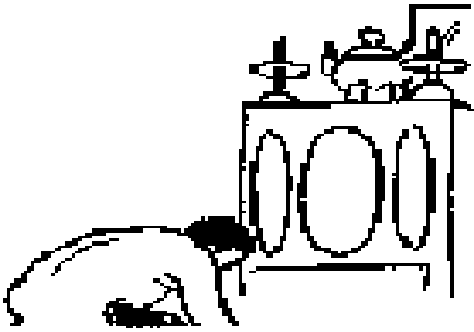
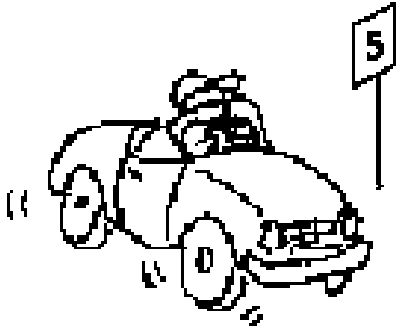
Ta chớ có

4. (trà sâm, trà xâm)

Ba biểu bà

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *am, ăm, âm* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Bà lâm _____ khăn vái.</p>	 <p>Ba lái xe chậm _____</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **am ăm âm.**

Làm bài

Chăm chỉ

Cầm tay

Nắm tay nhảy dây

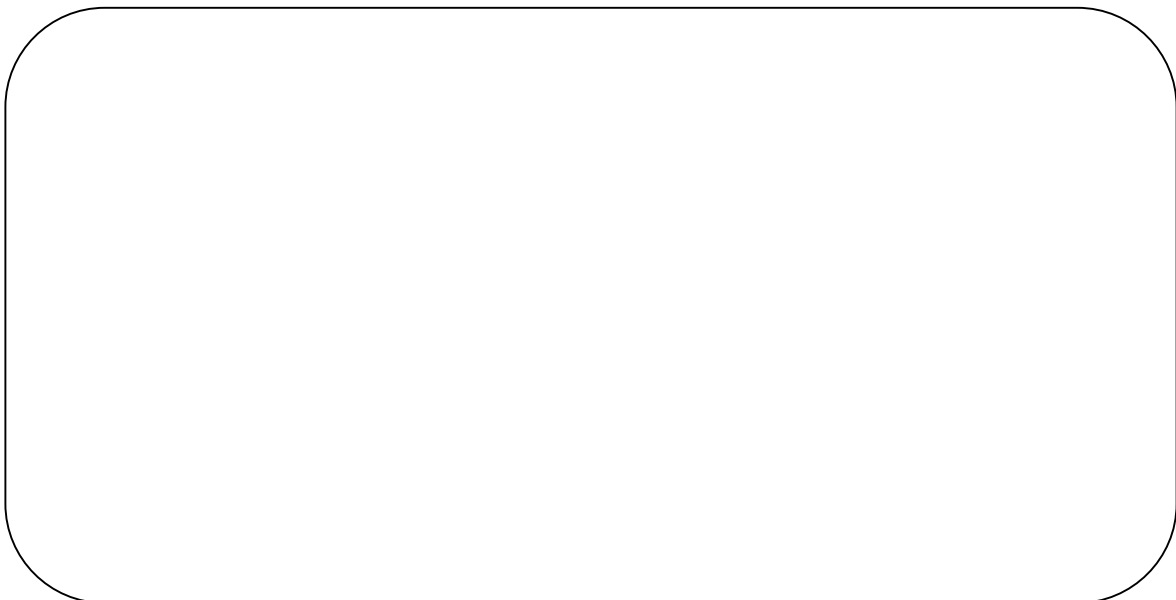
Em chăm chỉ làm bài

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Ngày Rằm".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai trái cam.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 3

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bạn Em".
2. Bài hát: "Hát Vui".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bạn Em" điền vào chỗ trống:

Gần nhà em, có cô bạn Tan học, và em về ngay nhà để cha mẹ tâm. Mẹ ân cần sóc các em.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bạn Em".

Gần nhà em có cha mẹ, ông bà.
 cha mẹ an tâm.
 cô bạn thân.

Tan học, bạn và em ở lại lớp.
 về ngay nhà.
 đi xa về.

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.



1. bạn thân cô Em có

2. về ngay Bạn và em nhà

3. săn nai đi Chú em

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *an, ăn, ân* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Em và _____ đi học.</p>	 <p>Chú đi _____ bắn.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **an ăn ân.**

Bàn tay

Ăn năn

Ân cần

Lan là bạn thân

Ăn mặn hại thân

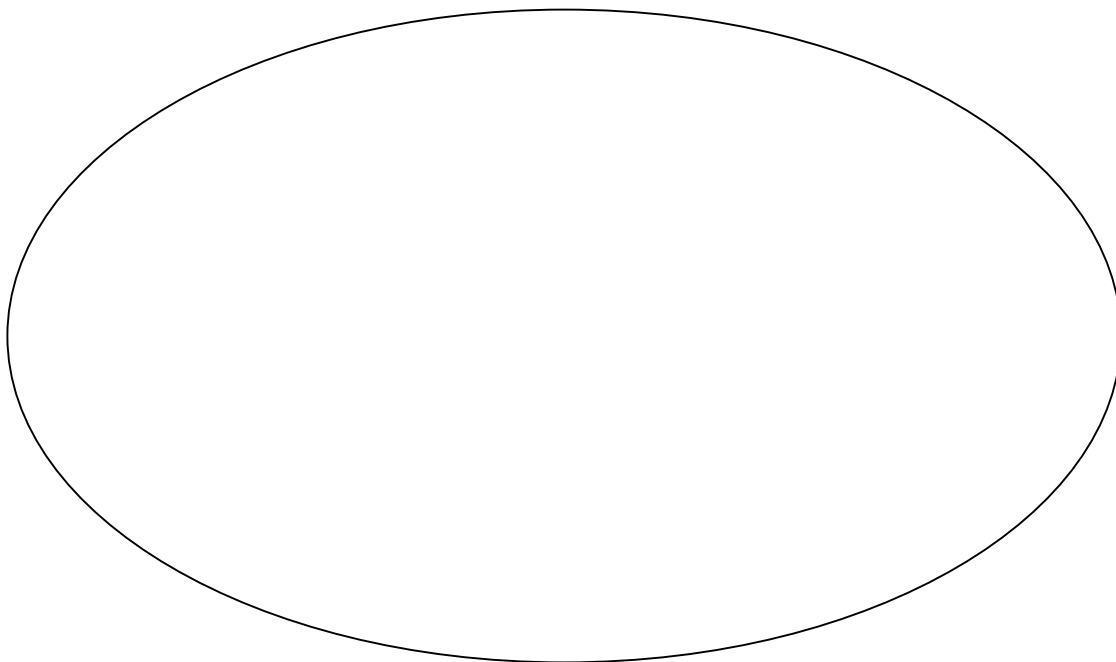
- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Bạn Em".

Handwriting practice lines consisting of five sets of horizontal lines. Each set includes a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line.

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai bàn tay.



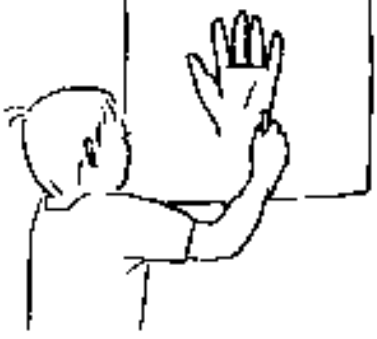

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

chăm làm
lau bàn ghế.
cha mẹ.
trái cam.

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần **an, ay, ây** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Tài vẽ _____.</p>	 <p>_____ qua mây.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: ai ay ây; am ăm âm; an ăn.

Trái cam

Nhảy dây

Chăm làm

Con rắn trên cây cam


Cha mẹ an tâm đi làm

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Chị Mai".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ đàn cá bơi.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 5

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bà Em".
2. Học thuộc lòng: "Má Lo Âu".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bà Em" điền vào chỗ trống:

Bà em quy y đã Bà mặc . . . dài màu lam đi lễ. Gặp ai, bà cũng ân cần hỏi. Vào chùa bà cầu kinh, lễ Phật. Bà hay nhai Múi bà đỏ thắm như son.

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Má Lo Âu".

- Má lo âu vì
- em đi về trễ.
 - chị em đi về trễ.
 - ba em đi về trễ.

- Chị em về trễ nên
- má lo âu.
 - ba đi tìm chị.
 - không ai biết chị đi đâu.



• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

- áo màu nâu
- trái táo
- cá sấu
- ăn trầu
- đau đầu
- áo dài

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *ao, au, âu* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Chị Mai mặc _____ dài.</p>	 <p>Sự tích trầu _____.</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ao au âu.**

Áo dài

Chạy mau

Châu Mỹ

Áo vải màu nâu

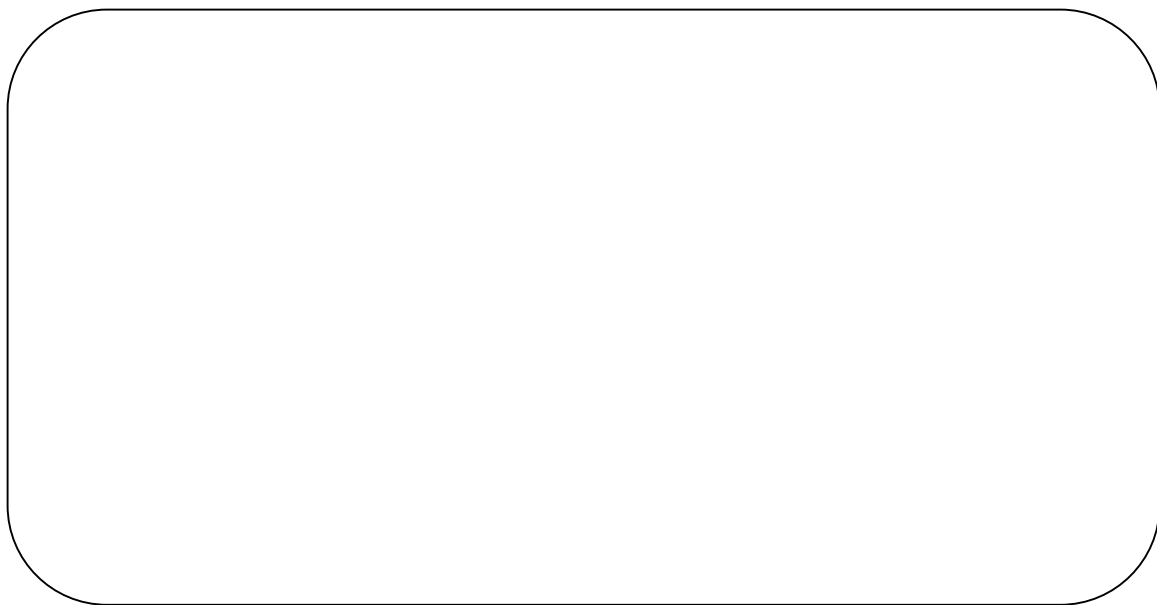
Ao sâu khó chài cá

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Bà Em".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ chiếc xe hơi.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 6

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Gió Bắc".
2. Học thuộc lòng: "Bé Ca".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Gió Bắc" điền vào chỗ trống.

Mùa đông có gió thổi về. Cây lác qua lại kêu xào
. Có mưa rơi Em áo dày mà vẫn thấy rét.

- **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
<i>Bát</i> sĩ khám tai.
Tâm <i>ngē</i> nhạc âm ã.
Mẹ nấu sôi <i>gát</i>
Chớ phá <i>giát</i> ngủ em.

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.



1. dây ghê mặc áo Em

2. thức giấc Bé Mai vừa

3. xào xạc khô Lá

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *ac, ăc, âc* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Mưa rơi lác ____.</p>	 <p>Con nai ngơ ____.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ac** **ăc** **âc**.

Lạc đà

Gió bắc

Giấc ngủ

Bác mặc áo ấm

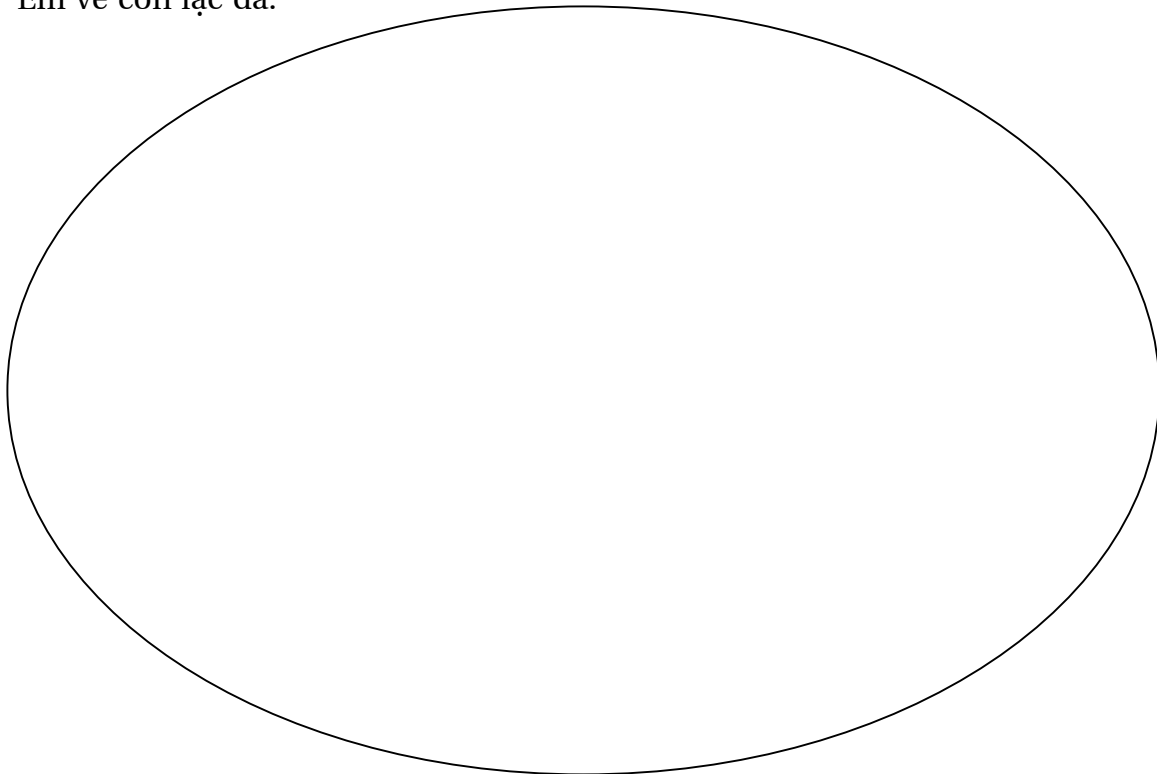
Bà hái trái gấc

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Gió Bắc".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ con lạc đà.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 7

• **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bà Dặn Cháu".
2. Bài hát: "Cười Làm Quen".

• **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bà Dặn Cháu" điền vào chỗ trống.

Bà dặn bé làm việc chớ Đi chậm thì đỡ
. ngã. Nhà ở phải sạch sẽ và ngăn Em cần
phải chăm lo học và chịu khó thì mới nên

• **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bà Dặn Cháu".

Làm việc chớ có ngăn nắp.
 đi chậm.
 hấp tấp.

Bé nhớ vấp ngã.
 hấp tấp.
 chăm học tập.

• **Trả lời câu hỏi.**

Em viết đủ câu để trả lời theo bài tập đọc "Bà Dận Cháu".

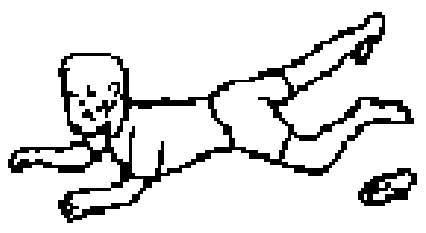

1. Bà dận cháu làm việc thì phải làm sao?

2. Đi chậm có lợi gì?

3. Việc học nên thế nào?

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *ap, ăp, âp* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Đi nhanh bị _____ ngã.</p>	 <p>Tâm _____ thể dục.</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ap ăp âp.**

Xe đạp

Trái bắp

Cá mập

Em bé ngáp ngủ

Đắp chăn cho ấm

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Bà Dận Cháu".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ trái bắp.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 8

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng hai lần bài tập đọc "Bà Kể Các Cháu Nghe" để nạp thày cô chấm điểm tập đọc:

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bà Kể Các Cháu Nghe" điền vào chỗ trống.

Bà kể cho nghe. Ông bà ở miền Bắc Việt Nam nước Tàu. Ở đó có gió giá rét. Khi nào ốm đau khó bác sĩ mà chỉ có thày thuốc bắc. Nghe qua, các cháu ái ngại.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bà Kể Các Cháu Nghe".

Ông bà quê ở miền Tây Hoa Kỳ.
 miền Nam Việt Nam.
 miền Bắc Việt Nam.

Miền Bắc Việt Nam giáp nước Ai Lao (Lào).
 giáp nước Thái Lan.
 giáp nước Tàu.

Gió bắc thì

- ấm áp.
- giá rét.
- mát mẻ.


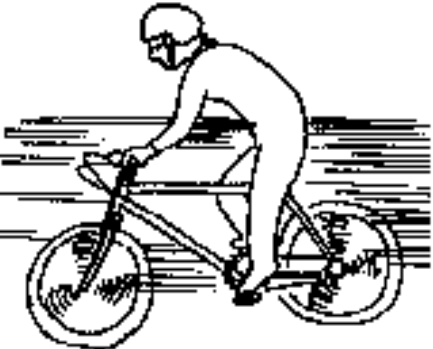
• Đặt câu.

Em đặt câu với các từ:

- cây cao
- lau xe.
- nghe nhạc.
- trái gấc.
- béo mập.

• Tìm từ.

Em điền từ có vần **au, âu, ap, ăp** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ kéo cày.</p>	 <p>Giáp đạp _____.</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ao au âu; ac ăc; ap ăp.**

Cô giáo

Áo màu nâu

Trái bắp

Bác Ba mặc áo ấm

Giáp đạp xe chậm chạp

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 9

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đi Phố".
2. Học thuộc lòng: "Đêm Hè".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Phố" điền vào chỗ trống:

Ngày mùa thu mát mẻ. Em và bà đi phố. Em nắm tay bà Em cảm ơn bà đã mua cho em nào mũ, nào giày và Khi về, em đi ngõ cho mau để khoe mẹ.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Đêm Hè".

Đêm mùa hè giá lạnh.
 gió rét.
 gió mát.

Mặt đất thật mát.
 rất nóng.
 ấm áp.

Bé đi

- chân đất.
- vào nhà.
- ra sân cát.

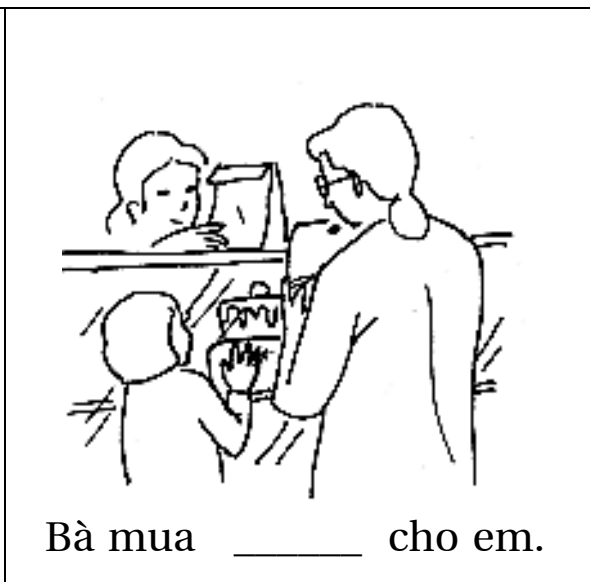
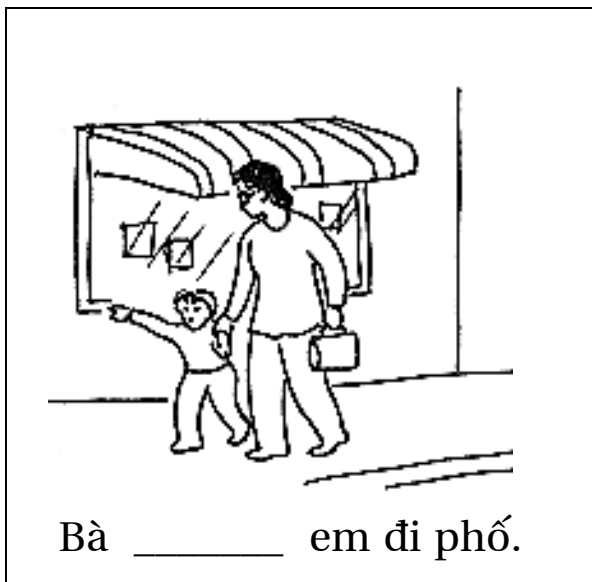
• Đặt câu.

Em đặt câu với các từ:

- giặt áo.
- trật tự.
- giỏi nhất lớp.
- tắm mát.
- ca hát.

• Tìm từ.

Em điền từ có vần *at, ăt, ap, âp* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **at** **ăt** **ât**.

Tắm mát

Giải khát

Phát quà

Tay mặt là tay phải

Thật thà là cha quý quái

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Đi Phố".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ hai bà cháu đi phố.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 10

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Xem Phim".
2. Học thuộc lòng: "Về Nhà".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Xem Phim" điền vào chỗ trống.

Đêm mùa thu thật Tâm và Mai đi phim với ba. Không khí trong rạp mát mẻ và
Phim thật là hay. Ai nấy chăm chú xem

- **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Tâm vẽ trái sim <i>tim</i>
Đàn chim <i>bai</i> về tổ.
Chị và em xem <i>phin</i>
Bà <i>tro</i> em li kem.
<i>Dó</i> thổi nhẹ <i>va</i> êm.

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

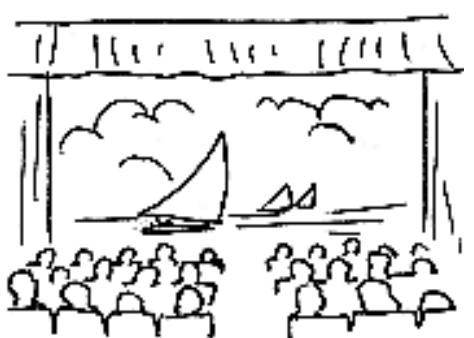

1. êm đềm thật Đêm thu

2. Đàn chim về tổ bay

3. ăn kem các em Ba cho

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *em, êm, im* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Rạp chiếu phim _____ lặng.</p>	 <p>Tâm và Mai ăn _____ .</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **em êm im.**

Cà tím

Nệm êm

Cô bé lọ lem

Chị đàn em hát

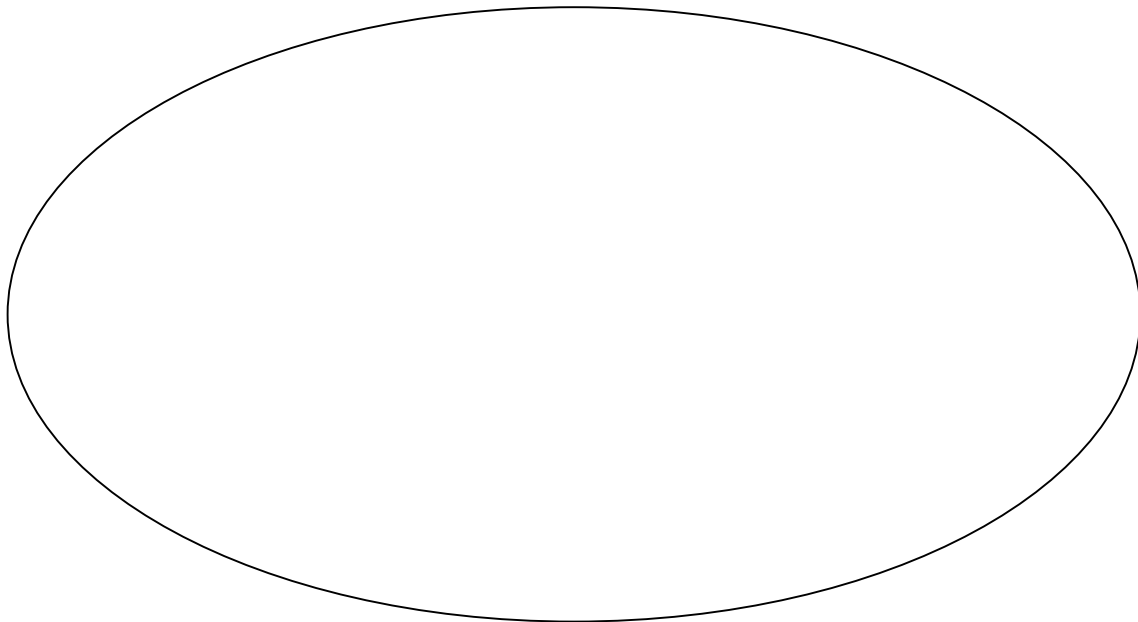
Đêm thu thật êm đềm

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Xem Phim".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ trái cà tím.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 11

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Chọn Bạn".
2. Bài hát: "Vòng Tròn".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Chọn Bạn" điền vào chỗ trống.

Ca dao có câu: "Gần mực thì , gần thì sáng".
Vì vậy em chọn bạn mà chơi. Bạn chăm chỉ học hành. Bạn ngoan như kính thầy, bạn thì em nên làm quen, gần gũi.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Chọn Bạn".

- Hễ ai gần mực thì thêm sáng.
 sạch sẽ.
 dính mực đen.

- Em nên chọn bạn chỉ lo ăn chơi.
 lười biếng.
 chăm chỉ, nết na.

Em nên chọn bạn

- kính thầy, mến bạn.
- nói xấu thầy, ghét bạn.
- không yêu quý mẹ cha.



• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

- màu đen.
- chọn bạn nết na.
- quý mến mẹ cha.
- bạn chăm học.
- con sên.

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *en, ên, in* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Hoa _____ nở đầy hồ.</p>	 <p>Em _____ sên bò.</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **en ên in.**

Con nhện

Làm quen

Trái chín

Em nhìn sên bò

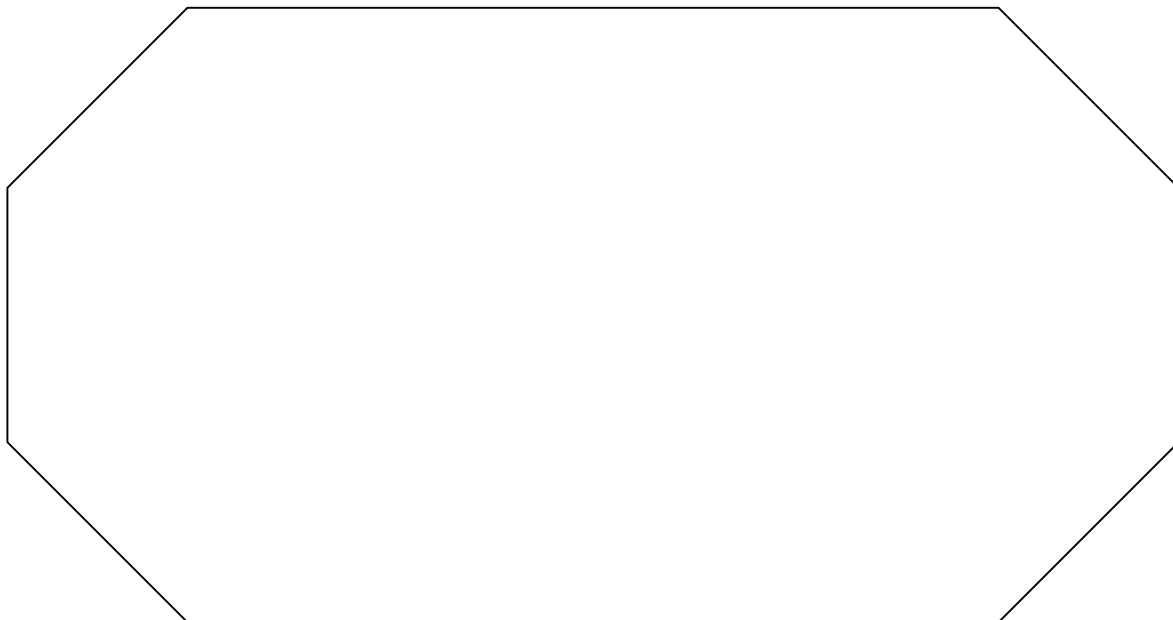
Mẹ khen áo len đen đẹp

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Chọn Bạn".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ con nhện.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 12

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng hai lần bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha" để nạp thày cô chấm điểm tập đọc:

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha" điền vào chỗ trống.

Sớm mai, em còn ngủ mà cha mẹ đã đi làm từ lâu.
Về nhà, mẹ nấu ăn, sắp đặt việc nhà thật tự.
Giặt áo quần, mẹ còn nhắc nhở em làm bài. Cha mẹ thật .
. . . . vì con cái mà vẫn lấy làm vui. Em rất quý.
cha mẹ.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha".

Em còn ngủ

mẹ đi nấu ăn.

mẹ giặt áo quần.

cha mẹ đã đi làm từ lâu.

Cha còn làm ở sở

mẹ còn làm ở sở.

mẹ về nhà nghỉ mệt.

mẹ nấu ăn, sắp đặt việc nhà.

- Em quý mến cha mẹ vì cha mẹ đã già.
 cha mẹ làm việc có thứ tự.
 cha mẹ vất vả, lo cho con.

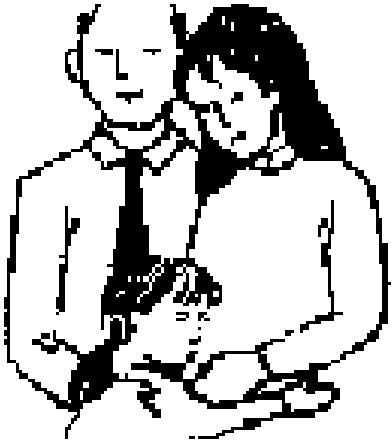

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

ca hát.
chủ nhật.
êm đềm.
chè hạt sen.
quý mến

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *at, ât, en, in* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Em quý _____ mẹ cha.</p>	 <p>Cha mẹ _____ vì con.</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **at ăt ât; em êm im; en ên in.**

Nệm êm

Cà tím

Chim kên kên

Em hái sim chín

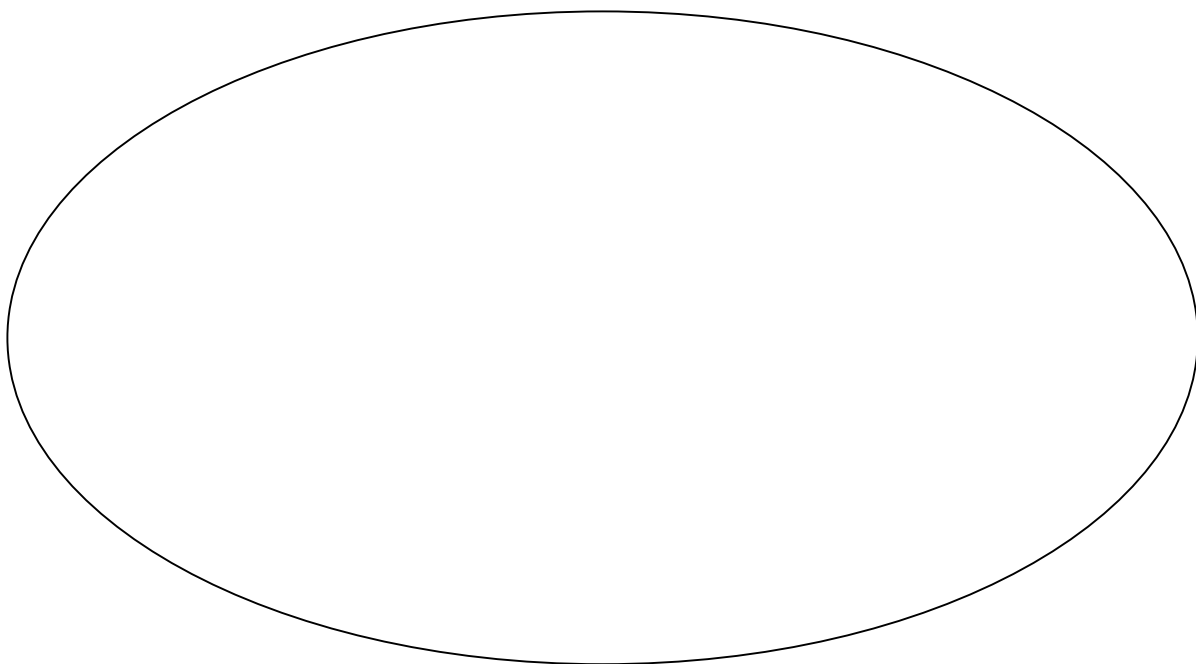
Chim én bay sát mặt đất

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ chim mẹ cho chim con ăn.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 13

• Thâu băng cassette.

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đi Cẩn Thận".
2. Học thuộc lòng: "Đôi Dép Đẹp".

• Điền vào chỗ trống.

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Cẩn Thận" điền vào chỗ trống:

Hết giờ học, em và các bạn bài vở ra về. Chân em đi Đầu đội mũ màu đen rất Em đi chậm chậm để chờ bạn sau em qua lộ một thể. Các em chỉ được qua lộ khi nào đèn cho người đi bộ bật sáng.

• Chọn câu đúng nhất.

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Đôi Dép Đẹp".

- Chú Chín đi dép đẹp.
 về nghỉ phép.
 đi lẹp xẹp.

- Đôi dép lẹp xẹp.
 thật xấu.
 đẹp.

- Bé mê đôi dép đẹp.
 nghỉ hè.
 đi lẹp xẹp.


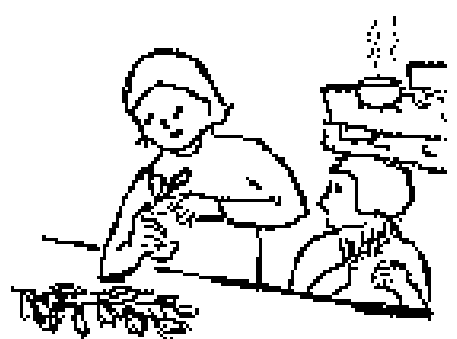
• Đặt câu.

Em đặt câu với các từ:

- lễ phép.
đèn xếp (trung thu)
phụ mẹ làm bếp.
đi học kịp giờ.
hát theo nhịp đàn.
chép lại câu.

• Tìm từ.

Em điền từ có cần **ep, êp, ip** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Em lễ _____ chào thầy cô.</p>	 <p>Em phụ mẹ làm _____.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ep êp ip.**

Bếp lò

Xe đẹp

Chim bìm bịp

Hát theo nhịp đàn

Em đi dép lẹp xẹp

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Đi Cẩn Thận".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ một đôi dép.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 14

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Về Quê".
2. Học thuộc lòng: "Sấm Sét".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Về Quê" điền vào chỗ trống:

Năm gần hết, má dẫn em về quê ăn với ông bà nội. Nhà ông bà có chó, gà, vịt. Đàn gà con kêu chíp chíp và riu rít bên gà mẹ. . . . kêu cạp cạp. Nghe chó sủa, em sợ khóc Bà âu yếm ôm ghì em vào lòng.

- **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Hổ <i>giữ</i> gầm <i>théc</i>
Dệt vải để <i>mai</i> áo.
Vỏ trái <i>mích</i> có gai.
<i>Vịc</i> kêu cạp cạp.
Bé ngồi <i>bệc</i> trên đất.

• **Xếp câu.**

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

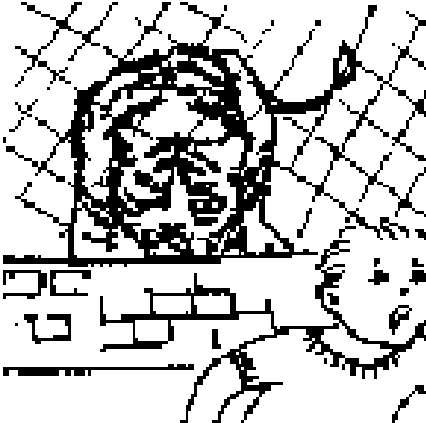
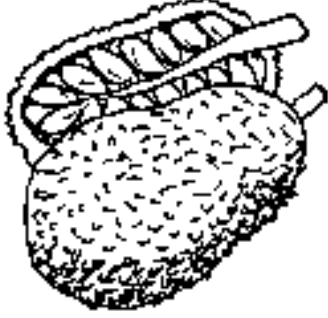
1. miền quê ở Ông bà

2. Má dẫn ăn Tết bé về quê

3. chó khóc thét Bé sợ

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *et, êt, it* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Hổ dữ gầm ____.</p>	 <p>Vỏ trái ____ có gai.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **et êt it.**

Gà vịt

Gió rét

Tết Việt Nam

Sấm sét gầm thét

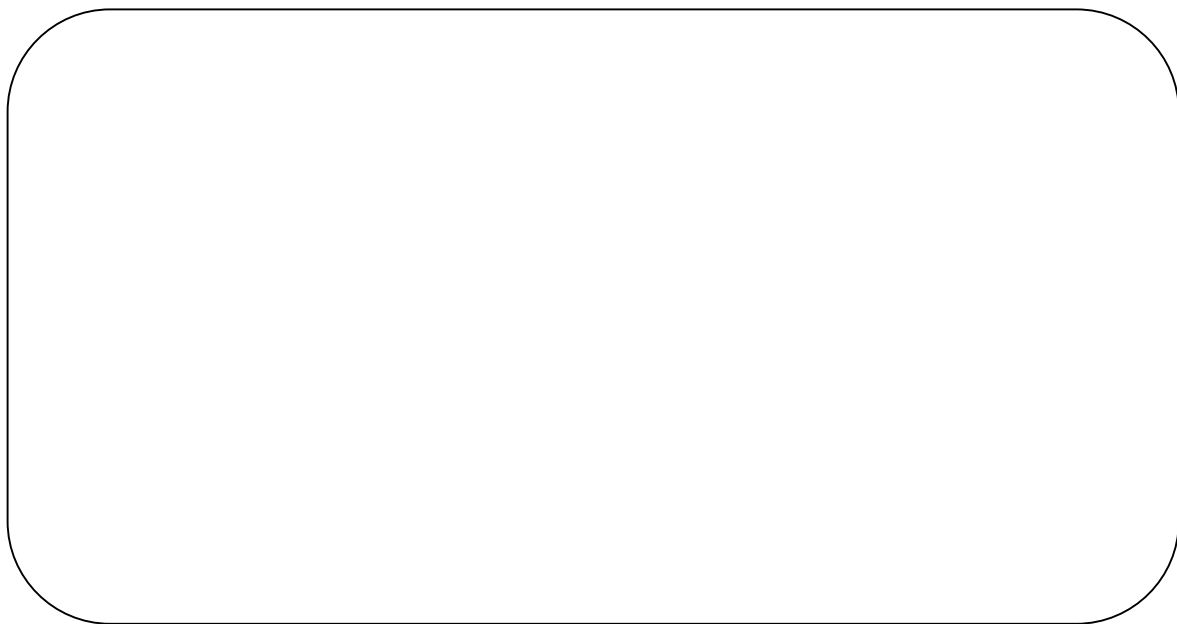
Hít thở cho hết mệt

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài học thuộc lòng "Sấm Sét".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ con gà và con vịt.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 15

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc ôn các vần bài 13 và bài 14: "ep, êp, ip; et, êt, it."
2. Tập đọc: "Lễ Phép".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Lễ Phép" điền vào chỗ trống.

Ông bà quý mến cháu Mai. Đi đâu xa, Mai nhớ xin
mẹ cha. Mai hay giúp đỡ kẻ nghèo khó. Mai là cô bé thật
thà, na, chăm chỉ học để theo bạn.
Cả nhà yêu mến Mai.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Lễ Phép".

Ông bà quý mến cha mẹ Mai.

ông bà.

cháu Mai.

Mai thật là ham chơi.

xinh đẹp.

nghèo khó.

- Mai là một cô bé nết na.
 cô bé tham ăn.
 cô bé xấu xí.



• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

lễ phép
xôi nếp
gõ nhịp
mù mịt
la hét
chạy mệt

• **Tìm từ.**

Em điền từ có vần *et, êt, it* vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ có nhiều chân.</p>	 <p>Trời mưa có sấm _____ .</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ep êp ip; et, êt, it.**

đèn xếp

trái mít

rộn rịp

Sấm sét gầm thét

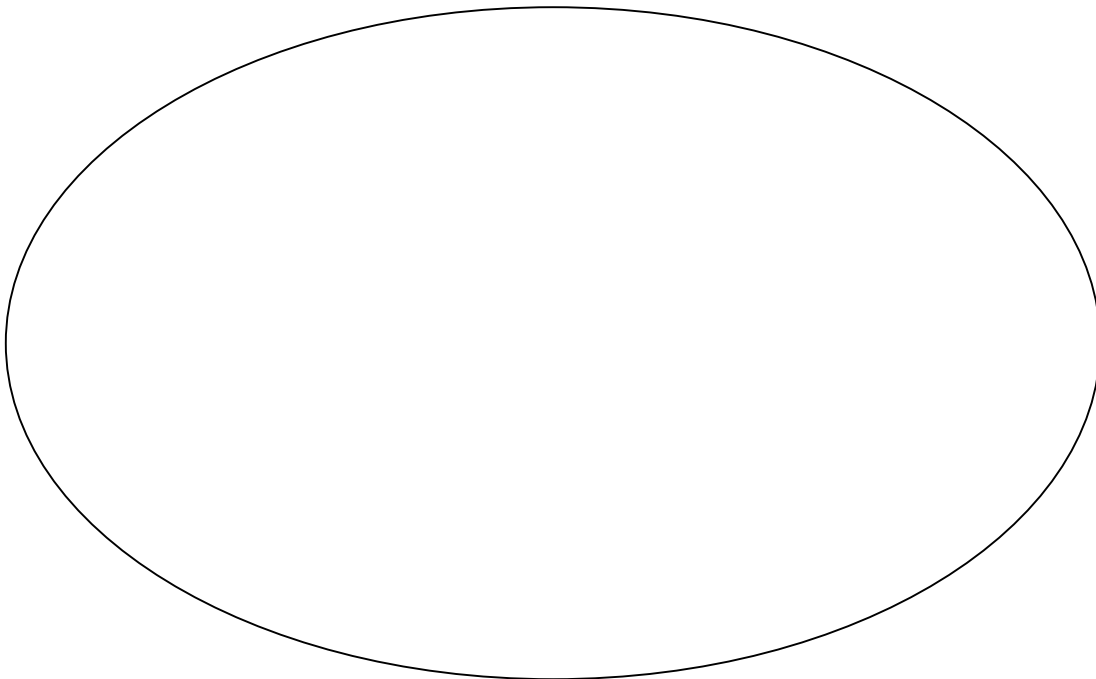
Cái nết đánh chết cái đẹp

- **Chính tả.**

Hãy chép lại bài tập đọc "Lễ Phép".

- **Tập vẽ.**

Em vẽ đèn trung thu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 16

- **Học ôn thi.**

Thầy cô hướng dẫn các em những bài đã học để ôn thi cuối khóa.



Bài đọc thêm

Con Rồng Cháu Tiên

Theo Việt Sử, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, sinh được một trăm người con. Lạc Long Quân là dòng dõi Rồng, còn bà Âu Cơ là dòng dõi Tiên.

Một hôm Lạc Long Quân mới bảo vợ rằng:

"Ta là nòi giống Rồng mà nàng là nòi giống Tiên. Nay ta chia con ra, cho nàng năm mươi đứa đem lên núi, ta đem năm mươi đứa xuống biển."

Nói xong, vợ chồng chia tay nhau, mỗi người đem con đi một ngã. Người con đầu được phong làm vua nước ta tức là vua Hùng thứ nhất. Vua Hùng đặt tên nước là Văn Lang.

Do sự tích này, người Việt ta ngày nay tự hào là con Rồng cháu Tiên.

Chử Đồng Tử

Vua Hùng thứ ba có một người con gái xinh đẹp tên là Tiên Dung. Công chúa thích đi chơi theo sông biển. Một hôm, Tiên Dung đi chơi đến gần làng Chử Xá thì cho quân lính cắm trại. Đến khi công chúa đi tắm, dội nước thì thấy Chử Đồng Tử ẩn dưới cát. Hỏi chuyện ra mới biết Chử Đồng Tử rất nghèo nhưng hiếu thảo. Cho là duyên Trời đưa lại, công chúa lấy Chử Đồng Tử làm chồng.

Vua Hùng được tin rất là tức giận. Thấy vậy, công chúa ở lại cùng chồng và làm ăn buôn bán. Một hôm Chử Đồng Tử đi buôn ghé vào một am nhỏ và ở lại tu. Sau một năm đi về thì được thầy tặng cho cây gậy và cái nón thần. Về nhà Chử Đồng Tử dạy đạo lí cho vợ rồi hai vợ chồng bỏ nghề buôn bán và đi học đạo. Một đêm tối gặp nơi không có ai ở, hai vợ chồng mới tạm chống gậy, che nón ở đường để nghỉ. Khuya ấy, cung điện, lâu đài hiện ra với đủ quân lính và kẻ hầu. Vua Hùng cho là con mình làm loạn, liền cho quân tới đóng ở bên kia sông. Đến tối cả khu đất có lâu đài bay thẳng về Trời. Khu đất đó sập thành một cái đầm lớn gọi là Nhất Dạ Trạch nghĩa là đầm một đêm. Dân chúng thấy sự linh dị bèn lập miếu thờ, hàng năm có tế lễ. Đầm Nhất Dạ nay thuộc tỉnh Hưng Yên, Bắc Việt Nam.

Phần giải nghĩa các câu tục ngữ

- Bà **Có học phải có hạnh.**
Người có học cần phải có thêm cả đức tính tốt.
- Bài 1 **Ăn cây nào, rào cây nấy.**
Chịu ơn hay giúp việc cho ai, thì phải giữ gìn bên vực người ấy.
- Bài 2 **Ăn lắm hết ngon, nói lắm hết khôn.**
Ăn nhiều quá sinh chán, không còn biết ngon. Nói nhiều quá thế nào cũng nói bậy, mất khôn.
- Bài 3 **Ăn bữa trưa, chừa bữa tối.**
Nên ăn dè, xài nhín; hãy nghĩ tới tương lai.
- Bài 4 **Tham thì thâm.**
Tham lam thường có hại, khiến cho nhớ danh xấu tiếng.
- Bài 5 **Con sâu làm rầu nồi canh.**
Chỉ vì một con sâu rớt trong nồi canh mà phải bỏ đi cả nồi canh.
Ý nói chỉ vì một người làm điều xấu xa, hèn kém mà cả bọn phải mang tiếng xấu lây.
- Bài 6 **Chớ thấy sóng cả, mà ngã tay chèo.**
Khi gặp sóng to, mọi người trên thuyền phải đem hết sức vào việc chèo chống cho thuyền đừng đắm; buông chèo là tự sát vậy. Ý nói chớ thấy khó mà bỏ dở công việc; trái lại nên cố gắng hơn để tránh thất bại.
- Bài 7 **Ăn theo thua, ở theo thì.**
Ăn ở theo trào lưu tiến hóa chung, không bo bo thủ cựu, cũng không lố lăng chạy theo đua đòi.
- Bài 8 **Máu chảy ruột mềm.**
Người cùng họ hàng, ruột thịt bị hoạn nạn thì mình cũng thấy đau đớn, xót xa.
- Bài 9 **Mật ngọt chết ruồi.**
Lời lẽ dịu ngọt thường làm xiêu lòng người.

Bài 10 Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Cần cù cố gắng làm thì dù cho công việc có khó khăn cách nào cũng sẽ được thành công.

Bài 11 Một sự nhịn, chín sự lành.

Nhịn được một việc hay một lời nói là tránh khỏi một điều tranh chấp có thể sinh rắc rối hay gây tai hại cho mình. Điều dễ thấy là mình không phải lo ngại ngày đêm việc người ta sẽ trả thù bất cứ lúc nào.

Bài 12 Lời thật mịch lòng.

Những lời nói ngay thẳng, thật tình, không bợ đỡ bao giờ cũng trái tai người nghe. Nếu người nào chịu nghe thì có lợi.

Bài 13 Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

Cha làm ác, con phải chịu cái quả báo ấy. Nghĩa là, lớp con của người làm ác sẽ chịu khổ sở như những người đã bị cha chúng làm hại.

Bài 14 Cái nết đánh chết cái đẹp.

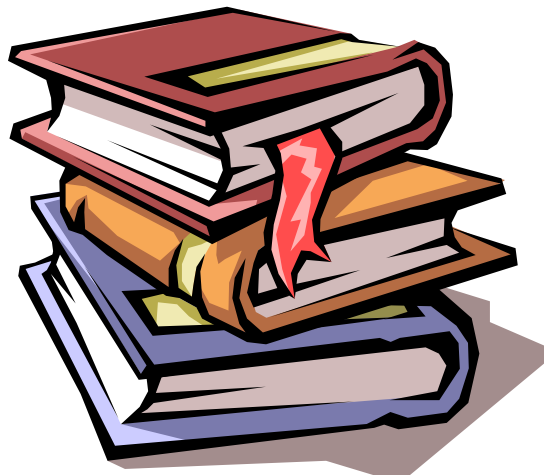
Tính tình nết na, ngoan hiền thì quan trọng và cần thiết hơn là nhan sắc đẹp để bề ngoài.

Bài 15 Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi qua.

Ngay thật đứng đắn thì lòng không phải thắc mắc, lo ngại.

Bài 16 Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.

Nhai kĩ càng và ăn từ từ thì ăn được nhiều, tức nhiên được no lâu. Cày sâu lớp đất, rẽ lúa xuống sâu hơn thì lúa tốt hơn. Ý nói, mọi việc nếu làm kĩ lưỡng thì sẽ có kết quả tốt.



TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim.
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn.
- **Địa lí Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.



Quốc Ca Việt Nam

Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi.
Đồng lòng cùng đi hi sinh tiếc gì thân sống.
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thây phơi trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến, phải cần giải nguy.
Người công dân luôn vững bền tâm trí.
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi,
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.
Công dân ơi, mau hiến thân dưới cờ,
Công dân ơi, mau làm cho cõi bờ,
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống,
Xứng danh ngàn năm giòng giống Lạc Hồng.

Lưu Hữu Phước



Việt Nam Việt Nam

Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời,
Việt Nam, hai tiếng nói bên vành nôi,
Việt Nam nước tôi.
Việt Nam, Việt Nam tên gọi là người,
Việt Nam, hai tiếng nói sau cùng khi lìa đời.
Việt Nam, đây miền xinh tươi,
Việt Nam, đem vào sông núi,
Tự do, Công Bình, Bác Ái muôn đời.
Việt Nam, không đòi xương máu,
Việt Nam, kêu gọi thương nhau,
Việt Nam, đi xây đắp yên vui dài lâu.
Việt Nam, trên đường tương lai,
Lửa thiêng soi toàn thế giới.
Việt Nam, ta nguyện tranh đấu cho đời.
Tình yêu đây là khí giới,
Tình thương đem về muôn nơi,
Việt Nam, đây tiếng nói đi xây tình người.
Việt Nam, Việt Nam.
Việt Nam, quê hương đất nước sáng ngời.
Việt Nam, Việt Nam, Việt Nam muôn đời.

Phạm Duy